Số 2 NĂM THỨ NHẤT 2e QUINZAINE JUILLET 1926

安南雜誌

REVUE DE L'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ



Mỗi tháng ra hai kỳ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 288

CHỦ NHÂN
TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

TOÀ BÁO
HÀNG LỌNG GẦN GARE
50, Route Mandarine — HANOI

IMP. KIM-ĐỨC-GIANG
1926

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng Cấp Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỤC-LỤC

1 — **Xã-thuyết**	*Tính nhân-tuần của người An-nam ta từ xưa đến nay.*
2 — **Gia-đình**	*Đạo nội-trợ của người đàn-bà.*
3 — **Thường-thức**	*Việc pháp-luật: Bàn về phạm-vi thẩm-quyền và các việc tố-tụng.*
4 — **Văn-học**	*Nghĩa thiên-lương: nói về phần riêng từng một người.*
	Sử-luận: Hai bà Trưng— Từ Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân.
	— Lý-thường-Kiệt Tôn-Đản đánh Tống.
	Âu-văn tạp-thuật.
	Quốc-văn bình-luận.
	Văn-thơ.
	Ngô-Việt xuân-thu (Tiểu-thuyết
5 — **Thời-Sự**	*Tình-hình chính-trị nước Pháp.*
	Đồng phật-lăng vì sao mà hạ giá.
	Một bà nữ nghị-trưởng Ấn-độ.
	Sự biến-loạn ở Nam-Dương quần-đảo.
	Đảng cách-mạnh Cao-Ly.
	Tiêu-tức một toà báo mới ở Trung-kỳ.
	Một câu truyện ở Nam-kỳ.

Bản-chí mỗi tháng in ra hai kỳ: từ mòng 1 đến ngày 15; lại từ 16 đến ngày 30 tây.

Giá đồng-niên, **4$00**; Nửa năm, **2$20**; Mỗi số **0$20**.

Ngài nào có lòng yêu Bản-chí mà mua một năm, hoặc nửa năm, xin gửi giả tiền trước, giúp cho Bản-chí về công việc hành-động trong lúc ban đầu; Bản-chí sẽ xin gửi theo những số sau

Các phong-thư và mandat, xin gửi cho Bản-chí chủ-nhân *Nguyễn-Khắc-Hiếu* nhận lĩnh.

AN-NAM TẠP-CHÍ

DIRECTEUR-GÉRANT:
Nguyễn-Khắc-Hiếu

N° 2 NĂM THỨ NHẤT 2e Quinzaine Juillet 1926

AN-NAM TẠP-CHÍ

社說

XÃ-THUYẾT

Tính nhân-tuần của người An-nam ta từ xưa đến nay

Năm xưa, tôi đi hội đền Hùng, lên chiêm yết ở lăng đức Hùng-vương, thấy có treo một đôi câu đối sơn, lối chữ viết thật tốt mà nước sơn cũng đẹp, mỗi bên chỉ có bảy chữ rằng:

看來已事須爲史　　*Khan lai dĩ sự tu vi sử;*
細認如圖欲命詩　　*Tế nhận như đồ dục mạnh thi.*

Ngoài mười bốn chữ ấy thời không có niên-hiệu và lạc-khoản gì cả. Tuy không biết là của ai và treo từ bao giờ; nhưng cứ trông lối chữ và nước sơn, có thể đoán là câu đối ấy đã cổ. Lại nghĩ như một chỗ rất tôn nghiêm như thế, mà chỉ một đôi câu đối được treo ở trong đó, thời tất là người có cái câu đối ấy có thế-vị đặc-biệt ở đương thời. Sau hỏi ra thời có người nói rằng: « Ấy là của chúa Trịnh khi trước. » Câu nói đó tuy là hồ-đồ, song cũng có thể lấy làm tin; vì xem như họ Trịnh ở trong đời nhà Lê, đối với vua Lê đã không coi ra gì, thời đối với vua Hùng-vương mà có cái câu đối ấy, cũng là một sự bất-túc-quái. Mới đây, quan Thương-tá tỉnh Thái-Bình là ông *Nguyễn-đạo-Quán* soạn ra quyển " *Sự tích mười tám đời Hùng-vương,* " trong có dịch cái câu đối ấy ra quốc-văn rằng:

Xem việc đã rồi nên chép sử,
Nhìn tranh như vẽ muốn ban thơ.

Cứ nguyên-văn như thế mà dịch ra như thế thời phải lắm. Nay ai thử ngẫm xem ba chữ dịch-văn *muốn ban thơ*, thời biết ba chữ nguyên-văn 欲命詩 thực là bất kính một cách lạ. Chữ 命 nghĩa là *ban*, là nhời

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

người trên đối đãi với kẻ dưới, vua Hùng-vương thời là thủy-tổ của nước Nam, dẫu từ Đinh, Lý, Trần, Lê các vua, ai có dám viết như thế chăng, cũng đều là bất-kính, mà huống chi họ Trịnh ru! Duy họ Trịnh quyền-thần thói quen, cho nên cũng mới dám như thế vậy.

Đương khi kẻ có quyền thế ở trong tay, dẫu muốn làm càn đến thế nào, cũng không có ai dám ngăn cấm; đó là một sự dĩ-vãng, bàn nữa cũng không làm chi. Chỉ lạ rằng thời-đại đã qua, uy quyền đã đổi; hội hè tế lễ, đến nay đã bao năm, mà một đôi câu đối vẫn treo đó như xưa, thời cái tính nhân-tuần của người An-nam ta thật là đặc-tính vậy! Nhân một sự đó mà nghĩ ra thời từ xưa đến nay, trên từ vua tướng, dưới đến nhân dân, vô luận thời-đại đổi thay, sự-cơ khích-thích ra làm sao mà một cái tính nhân-tuần vẫn như cũ. Nay thử đem mấy điều, biểu trưng cái tính nhân-tuần của người nước ta, chất cùng các độc-giả.

1° Việc triều cống. — Nước ta xưa từ đời Hùng-vương, có đem con thần-quy sang dâng họ Đào-Đường; đến đời nhà Chu ở Trung-quốc, ta lại có đem sang con bạch-trĩ, ấy đều chỉ là lễ bang-giao mà không phải là lệ triều cống vậy. Từ sau đó cho đến đời mười hai Sứ-quân, phần nhiều là nước ta thuộc nước Tầu cai-trị; trong khoảng ấy, phàm những người hào-kiệt nổi lên, tuy chủ-quyền không giữ được bao năm, nhưng chưa từng có sự triều cống. Sự triều cống là bắt đầu từ vua Đinh Tiên-hoàng sai con là Nam-Việt-vương Liễn sang Tống, về sau thành lệ; trải Lý, Trần, Lê cho đến nhà Tây-Sơn, vô luận ông vua anh-hùng nào, thời-đại thịnh vượng đến thế nào, đánh được giặc, rồi lại hàng, mỗi năm có lễ sang cống, hoặc đúc người vàng thay làm mình để sang chầu, hoặc sai người giả-mạo làm mình để sang chầu. Một sự triều cống đó, mãi đến Bồn-triều đời Hàm-nghi, năm ất-dậu (1884), nhân do điều-ước ở Thiên-Tân, vua Tầu cát-nhượng nước Nam ta cho nước Pháp, mà từ đấy mới thôi. Nếu không có trận Pháp Thanh đánh nhau ở Phúc-Kiến, Đài-Loan, thời lệ đó đến nay có nhẽ vẫn còn vậy. Biểu trưng của cái tính nhàn-tuần, đó là một.

2° Việc khoa-cử. — Nước ta từ ông Sĩ-Nhiếp đem Thi Thư sang dạy, mà mới nhiễm văn-hóa của nước Tầu; đến đời vua Nhân-tôn nhà Lý mới có việc khoa-cử. Từ đấy về sau, mỗi ngày mỗi thịnh. Trong những đời trước mà xem ra, việc khoa-cử cũng không phải là không hay; nhưng đến khoảng năm Tự-đức về Bồn-triều, phong-trào ở hải-ngoại đã dồn-dã, đến chung quanh mà kinh-nghĩa thơ-phú vẫn không bỏ. Mãi đến đời Khải-định mới đây, nhà nước Bảo-hộ có nghị-định bãi khoa-cử thời từ đấy mới thôi. Nếu không có nghị-định của Bảo-hộ bỏ đi cho, thời việc ấy đến nay có nhẽ vẫn còn vậy. Biểu trưng của cái tính nhàn-tuần, đó là hai.

3° Việc tế lễ. — Việc tế lễ ở nước ta, tức là tôn-giáo, đáng như có cái thái-độ rất cẩn trọng tôn nghiêm mới là phải. Vậy mà như một sự cầu

đối treo ở lăng đức Hùng-vương đã như thế; lại như tượng thờ ở đền làng Trường-Yên tỉnh Ninh-Bình, thực lại càng là trái mắt hơn. Làng Trường-Yên tức là đất Hoa-Lư khi xưa, đô vua Đinh đóng ở đó; Lê-Hoàn cướp nhà Đinh, cũng nhân đóng kinh-đô ở đó. Vì thế cho nên ở làng ấy đến nay có hai đền thờ : đền trên là thờ vua Đinh thời có tượng vua Đinh ; đền dưới là thờ họ Lê thời có tượng Lê Đại-hành, Dương-hậu và Ngọa-triều. Nguyên tượng Dương-hậu khi trước thờ ở đền trên, đến sau biết là không tiện, mới đem xuống đền dưới; thờ ở đền dưới cũng lại là không tiện, nhưng không ai dám bỏ đi. Biểu trưng của cái tính nhân-tuần, đó là ba

4° Việc sử ký. — Sử-ký là một việc trọng yếu của một nước, trước là để cho người trong nước biết việc đã qua, sau là để cho người trong nước có lòng yêu nước; nếu hai nhẽ đó mà mất cả, thời sử xanh còn có ra chi ! Vậy mà xem như những bản sử của nước ta, nhất là pho Khâm-định, thời thật đáng buồn cho sử-giới vậy. Triệu-Đà là người Tầu, sau khi đã đánh được Thục-Phán thời xưng đế mà đóng đô ở Ba-Ngung (thuộc đất Quảng-Đông) ; hai quận Giao-Trỉ, Cửu-Trân là đất ta khi xưa thời chỉ cho hai kẻ Sứ-thần giữ quyền cai-trị. Vậy mà Triệu-Đà ở sử ta, chép là "趙武帝 *Triệu Võ-đế* » vậy. Bà Trưng-vương là vua của nước ta mà Mã-Viện là giặc, vậy mà ở Sử Khâm-định chép về trận Lãng-Bạc, viết to lên rằng: « 馬援軍至浪泊與徵側戰破之側退保禁谿. *Mã-Viện quân chí Lãng-Bạc, dữ Trưng-Trắc chiến, phá chi. Trắc thoái bảo Cấm-Khê.* » Nghĩa rằng : *Mã-Viện quân đến hồ Lãng-Bạc, cùng Trưng-Trắc đánh nhau, đánh tan đó. Trắc lui giữ đất Cấm-Khê.*" Ôi ! như thế là nhời người nước Nam, hay nhời người nước Tầu ? Những nhà làm sử sau, không những không ai nói mà có nhiều người theo. Biểu trưng của cái tính nhân-tuần, đó là bốn.

5° Việc phong tục. — Phong-tục là tập-quán lưu truyền, có phong tục chung của một nước, có phong-tục riêng của một làng, hay thời nên để mà dở thời nên đổi. Nói về tục chung trong nước ta, thời như việc vàng hồ ảo mã, mỗi năm hư-phí không biết là bao nhiêu, ở những người đàn bà mê tín sự quỉ thần không nói chi ; còn những người đàn-ông có học-thức, biết là không phải, nhưng không dám xửa đổi. Lại như gả con mà thách của, ở những nhà hèn mạt cauộng lợi không nói chi ; còn những nhà sang-trọng đứng-đắn, thực là phí tổn thêm cho con còn về nhiều, nhưng trong khi cưới cũng phải thách nhà giai đem tiền dẫn là bao nhiêu, rồi lại cho làm của hồi-môn, để lấy thể-diện với thiên-hạ. Nói về tục riêng của một làng thời như ở làng Cầu-Lim tỉnh Bắc-Ninh, mỗi năm tháng giêng có ngày hội, những con gái trong làng không cứ là chưa có chồng, hay có chồng, đều đi mời những khách con giai về nhà, dọn rượu làm cơm, toàn như thể ca-lâu tửu-quán. Bố mẹ anh em cũng là chồng, không những không cấm-chế mà lại lấy mời được

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

nhiều khách lạm hơn người. Phong-tục như thế mà lấy làm quen thường. Biểu trưng của cái tính nhân-tuần, đó là năm.

Ngoài năm điều lược kể đó, việc canh nông nhân-tuần mà mưa nắng chỉ nhờ giời; việc công nghệ nhân-tuần mà làng nào nghề nào cứ nghiệp ấy; việc thương mại nhân-tuần mà buôn bán không ra ngoài xứ sở. Nói cho quá thời có thể gọi là phàm sự nhân-tuần. Phàm sự nhân-tuần đó do ở một cái tính nhân-tuần mà ra, mà mấy nghìn năm tiến-hóa chậm hơn người, thực nguyên-cớ ở đó. Đến nay, phong-trào ở đông tây khích-thích đến ta càng mãnh liệt; tình thế của tổ-quốc đối với thời-cục càng gian nguy. Ở vào cái thời-đại xe hơi tầu bay mà còn cứ võng trần càng úp mãi được sao! Ôi, hai chữ "*nhân tuần*" thực phải đối với hai chữ "*tiến hóa*"; muốn tiến hoá, tất phải bỏ cái tính nhân-tuần. Nước Nhật-Bản khi xưa muốn duy tân, hạ lệnh dịch phục mà nhân-dân không theo; rồi phàm kẻ nào mặc áo dài đi ra đường, đều bị cô binh dịch xén ngắn hết. Ông Trịnh-thành-Công sau khi trái mệnh bố mà sắp chống nhau với Mãn-Thanh, vào miếu đức thánh Khổng, làm lễ rồi đốt hết nho-phục, từ đấy đổi sang nhung-trang. Ôi, như thế là không nhân-tuần; tất như thế mà nước Nhật-Bản mới ra Nhật-Bản, ông Thành-Công mới có thành công vậy. Quốc-dân ta nghĩ đó, có nên cắt bỏ cái tính-căn rất xấu là cái tính nhân-tuần tự trước đến nay không?

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Nước non khơi cách nghìn trùng,
Biết tính sao cho vẹn chữ tùng.
Lòng em cũng muốn,
Ngại-ngùng
Em khôn sớm theo anh.

THU-CẬN

TẢN-ĐÀ TU THƯ CỤC

CÁC SÁCH ĐÃ IN

Lên sáu	giá	0$10	Truyện Tỳ-Bà	»	0, 50
Lên tám	»	0, 20	Bức tranh lòng son	»	0, 08
Đài gương	»	0, 35	Truyện Trinh-thám Ba-Lan	»	0, 20
Đàn bà tầu	»	0, 25	Truyện Thế-gian quyền nhất	»	0, 30
Thần tiền	»	0, 30	Truyện Thế-gian quyền nhì	»	0, 20
Giấc mộng con	»	0, 38	**Đại-Học**	»	0, 70
Khối tình con quyển nhất	»	0, 18	Sự-tích 18 đời Hùng-Vương	»	0, 20
Khối tình con quyển nhì	»	0, 20	Cẩm-Hương-Đình	»	0, 50
Khối tình bản chính	»	0, 25	Chết sống thuyền-quyên	»	0, 40
Khối tình bản phụ	»	0, 10	**Kinh-Thi** quyển nhất	»	1, 50
Còn chơi	»	0, 30	Quốc Sử huấn mông	»	0, 60
Tản-Đà tùng văn	»	0, 30	Thơ Tản-Đà	»	0, 20

社會之家庭說

GIA-ĐÌNH

ĐẠO NỘI-TRỢ' CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ

Người có gia-đình đã là người đàn ông, cho nên người đàn bà gọi là **Nội-trợ**. **Nội-trợ** nghĩa là giúp các công việc ở bên trong. Đã gọi là **giúp** thời không có nghĩa tự chuyên, cho nên phàm các việc trong nhà, nhớn như doanh sinh lập nghiệp, tế-tự tân khách, bé như ăn ở với đầy tớ, xử-đãi cùng láng giềng. Đàn bà coi sóc bảo ban mà phải theo ý kiến của người chồng làm chủ. Như thế thời trong nhà mới có thể thống, mà có no ấm giầu sang chăng nữa, cũng mới được là nhà thượng-lưu. Nếu người **nội-trợ** ấy, phàm các việc tự theo ý-kiến mình mà không kể có người đàn ông; Hoặc tuy có hỏi ý người đàn ông mà thực là bắt phải theo mình. Như thế đều gọi là "*lấn chồng*". Người đàn bà *lấn chồng* thời gia-đình không có thể-thống; gia-đình không có thể-thống thời nghèo hèn giầu sang, đều chỉ là nhà hạ-lưu trong xã-hội vậy.

Nay nghĩ về những người đàn bà *lấn chồng*, có mấy duyên-cớ tính-cách khác nhau như dưới:

1° Người đàn bà ấy không có cậy môn-hộ, tài-đởm, của-cải, địa-vị gì, chỉ là phú tính hung hẵn mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

2° Người đàn bà ấy, cậy vì có của cải gây dựng cho chồng, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

3° Người đàn bà ấy, cậy vì môn-hộ hơn nhà chồng mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

4° Người đàn bà ấy, cậy vì khôn ngoan tài đởm, gánh vác giang sơn nhà chồng, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia đình không có thể thống.

5° Người đàn bà ấy, cậy vì nhà chồng hiếm-hoi mà mình có sinh con đẻ cái, mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể thống.

6° Người đàn bà ấy, cậy vì có học thức, lại mê về câu nói nữ-quyền mà lấn quyền người chồng, làm cho trong gia-đình không có thể-thống.

Các duyên cớ tính cách của những người đàn bà lấn chồng, chắc còn nhiều nữa không ít; nay chỉ lược nói như mấy điều đó, đủ thấy rằng trong cửa nhà người ta, có thể-thống được là khó. Nay nghĩ như một cái gia-đình vô thể-thống, chủ có lỗi vẫn là người đàn ông; mà người đàn bà lấn quyền chồng, thực nên khoa tội ngang nhau vậy. Tự người có gia-đình mà đã đến đánh mất chủ-quyền thời không mong có một ngày quang-phục được nữa; chỉ mong ở người nội trợ chiếm-đoạt kia, hoặc có biết nghĩ mà buông giả, ấy là hạnh-phúc cho cái gia-đình đó mà thôi. Trong tâm-lý người đàn bà thường lấy lấn được chồng làm đắc ý, song không biết đó thực là một cái tệ hại rất nhớn cho gia-đình. Làm người nội-trợ mà gây cái tệ hại rất nhớn cho gia-đình, tưởng cũng không nên đắc ý vậy. Trong xã-hội ta nay, những người đàn bà lấn quyền chồng, xem ra có nhẽ cũng không ít. Trong các người đó, ai là người hạ-lưu vô giáo dục, gặp thì may bước mà nổi lên thời không đủ kể nói; còn như ai con nhà danh-giáo đi lấy chồng, vì tự mình lấn quyền mà khiến cho gia-đình của người chồng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thành một nhà hạ-lưu trong xã-hội, nghĩ như vậy thời nỡ sao. Huống chi thế-giới mỗi ngày văn-minh, đàn bà con gái đều dự có trách-nhiệm với xã-hội; ai là người nặng cái quan-niệm với xã-hội, càng nên coi trọng cái thể-thống trong gia-đình. Gia-đình có thể-thống mà xã-hội mới văn-minh vậy. Đàn bà con gái nước ta nay, người có quan niệm đến xã-hội, tưởng cũng không ít, vậy xin giữ lấy đạo tề-gia nội-trợ, cho trong một gia-đình có thể-thống, cho các việc luân-lý sinh-lý, nhật dụng thường hành trong gia-đình đều hoàn-hảo mỹ-mãn, cho xã-hội mong nhờ.

Nguyễn-khắc-Hiếu

常識之部

THƯỜNG-THỨC

VIỆC PHÁP-LUẬT

BÀN VỀ PHẠM-VI THẨM-QUYỀN VÀ CÁC VIỆC TỐ-TỤNG

Tục-ngữ ta có câu: "Khôn ngoan đến cửa quan mới biết." Đã khôn ngoan thì đến đâu ai chả biết, cần gì phải đến tận cửa quan mới biết? Cửa quan là cửa nha-môn, là nơi phán-đoán án-kiện; đến trước cửa nha-môn, không khôn ngoan thì giải bầy sao cho hết điều thị phi, không khôn ngoan thì tỏ sao cho hết lẽ hơn thiệt, không khôn ngoan, thì nói sao cho kịp được miệng những dám thầy kiện thầy cò. Đến cửa nha-môn, người ta vặn hết lẽ này lẽ khác, kể hết cách nọ cách kia, hễ ngu dại thì nói ấp-úng không thông, người run như cầy sấy, ấy ngu-dại hay khôn-ngoan thò ngay ra ở đấy, giấu sao cho được. Câu tục-ngữ đó tuy là để chế-bác những kẻ hay nói thánh nói tướng ở trong sỏ nhà, nhưng kỳ-thực có ngụ ý sâu xa rằng: đến chỗ nha-môn, không khôn-ngoan tinh-quái, biết lý biết luật thì không xong; pháp-luật cần cho người ta để bộ-vệ quyền-lợi riêng của mình, để biết đường giao-thiệp ở trên đời, chẳng khác gì quần áo để che thân-thể, nhà cửa để che nắng mưa, các đồ khí-giới để giữ gìn quân trộm cắp gian-phi vậy.

Ta đã biết pháp-luật là cần, ta kíp nên làm thế nào cho quán-xuyến nghĩa luật, thấu-đạt ý luật thì mới tránh khỏi được những sự lầm-lỗi chỉnh bởi ngay ở luật mà ra. Trước khi giải nghĩa luật, dẫn ý luật, tưởng cũng nên bàn qua về thẩm-quyền của các tòa án và những việc tố-tụng về hình-sự, dân-sự, thương-sự để cho người có việc và người mới bắt đầu xem luật được thấu-hiểu nguyên-ủy.

Nước ta từ khi có phong-trào mới, pháp-luật cải-cách khác xưa nhiều, việc pháp-viện hiến-chế, mỗi ngày mỗi nghiêm mật, trong một sứ Đông-Pháp, biết bao nhiêu là tòa-án: tòa-án **sơ-cấp**, tòa án **đệ-nhị-cấp**, tòa án **đệ tam cấp**, tòa án **trừng-trị**, tòa án **sơ-thẩm**, tòa án **phúc-thẩm**, tòa án **hộ**, tòa án **thương-mại**, tòa án **binh**, tòa án **cai-trị**, vân vân . . . — Mỗi tòa danh-hiệu một khác, mỗi tòa thẩm-quyền một khác, nếu đem kể cho những người nhà-quê nghe, ai mà chẳng bở ngở như rắt vào một cái rừng. Mà thực thế, ngẫm kỹ

xem thì pháp-luật và thẩm-phán nha môn quả không khác gì một cái rừng, người nhà quê đối với pháp-luật có khác gì chim chích vào rừng. Rừng rậm um-thùm, lắm đường lắm ngách, chỗ đèo chỗ non, chỗ khe chỗ suối, chỗ cây cao hang rộng, chỗ thú rữ ma thiêng, đã bước chân vào, sơ ý một chút thì lạc đường lạc nẻo, ngộ nhỡ lại có khi oan-gia. Cho nên ở vào đời pháp-luật sâm-nghiêm này, cần phải đọc luật kỹ cho thấu-triệt đến ngành đến ngọn thì mới giữ được cái phạm-vi quyền-lợi của mình, và tránh khỏi được những điều lầm lỗi sẩy ra bất kỳ, ví cũng như đi vào rừng có thông đường, thông thổ thì mới có sự mạo-hiểm mà không đến nỗi thất-thân.

Dân nhà quê ta rất hay có sự khí-khái phải giắt nhau đến cửa công ; ở chốn thôn quê lại hay có người ỷ quyền cậy thế, ức hiếp lương-dân, hay vu ra việc này việc khác, có nói không, không nói có, thêu dệt nên nhời, để vu-oan giá-họa cho những người lành-hiền khờ dại. Dân ta học-thức ít, hiểu sao được pháp-luật, động có giấy quan đòi thì thất đởm kinh hồn, chạy nhao đi tìm thầy tìm thợ, vác túi bạc đi lạy cửa này cửa nọ, chẳng hiểu đầu đuôi công-việc ra sao, chẳng biết ứng đối biện bạch thế nào cho phải. Kẻ có nhiều tiền thì lấy tiền mà giấy, vin lấy những câu : « **Nén bạc đàm toạc tờ giấy** » làm cái cọc dựa mình mà khinh mạn pháp-luật ; rút cục lại được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn, quanh đi quẩn lại chỉ làm béo cho bọn tham ô. Kẻ nghèo khó hoặc ít tiền, không đủ đút lót, bề thế không có, hỏi đến không biết đường mà nói, kiến-thức không đủ để chống chế, cái ẩn-tình làm sao mà bộc-bạch ra được, trách sao cho khỏi mắc tội oan. Than ôi ! pháp-luật rất nghiêm, kẻ gian ác lấy thế-lực kim-tiền mà xem thường xem khinh ; pháp-luật rất minh, kẻ lương dân hay vì sự khờ dại mà mắc phải tai bay vạ gió Nghĩ mà ngán thay! .

Ấy vì lẽ ấy mà An-Nam tạp-chí phải cần-quyền về việc pháp luật, vì lẽ ấy mà An-Nam tạp-chí phải cần-quyền về việc diễn-giải pháp-luật, mong cho pháp-luật chóng được phổ-thông, trừ tuyệt những sự bất bằng, để cho quốc-dân ai cũng được yên vui trong vòng hạnh-phúc. Nhưng ta phải biết rằng : nghĩa luật, ý luật là về phần nội-dung mà thẩm-quyền và việc tố-tụng thì lại là ngoại-dung của pháp-luật. Muốn biết nội-dung thì về phần ngoại-dung cũng phải lưu ý xem qua, vi cũng như đến chỗ đình-đám, miếu-mạo, mà không đi qua cửa tam quan thì ròm sao thấy được những sự nguy-nga xán-lạn ở bên trong.

Kỳ trước ký-giả đã nói về hai thứ luật : luật Pháp và luật Annam:.... Luật định có hai thứ, cho nên Tư-pháp nha môn cũng phải chia ra hai đằng có khác nhau : các tòa án xử những việc tây và các tòa án xử những việc thuộc về người bản-quốc. Các tòa án xử những việc tây là: tòa án **trừng-trị**, tòa án **sơ-thẩm**, tòa án **phúc-thẩm**, tòa án **đại-hình** hay tòa án **áo-đỏ**. Tòa án xử những việc vi-cảnh như : ăn trộm, du-đãng, không có thẻ thuế thân, đánh nhau, nấu rượu lậu, bán thuốc phiện lậu, vân vân.....

Tòa án **sơ-thẩm** xử tất cả những việc mới phát-sinh ra ở trong một địa-hạt nào, những việc xử cũng giống như ở tòa án **trừng-trị**, song cái phạm-vi thời rộng hơn. Tòa án **phúc-thẩm** xử những việc bất phục-tình ở các tòa án **trừng-trị** và các tòa án **sơ-thẩm**, xử những việc xin tiêu-hủy các án kiện ở các tòa dưới đã xử và những việc xin tái-thẩm những án nghi của bản tòa. Tòa án **đại-hình** (tòa án áo đỏ) sử những việc quan trọng thuộc về luật tây như : làm và lưu-thông giấy bạc giả, ăn cướp, giết người, lạm tiêu tiền công của nhà nước vân vân..... Trong xứ Đông-Pháp

thời ở những thành-phố sau này có tòa án **trừng-trị** hoặc tòa án **sơ-thẩm** : Vientiane ở Laos ; Vinh và Tourane (Đà-Nẵng) ở Trung-kỳ ; Hanoi, Nam Định, Hải Phòng ở Bắc-kỳ ; Fort Bayard ở Quảng-châu-Loan và tất cả các tỉnh ở trong địa-hạt Nam-kỳ. Tại Saïgon và Hanoi mỗi nơi có một tòa án **phúc-thẩm** và một tòa án **đại-hình**. Tòa án **phúc-thẩm** và tòa án **đại-hình** ở Saïgon sử những việc thuộc về Nam-kỳ và Cao-Mên. Tòa án **phúc-thẩm** và tòa án **đại-hình** ở Hanoi xử những việc thuộc về xứ Ai Lao, xứ Trung-kỳ, xứ Bắc-kỳ và Quảng-châu-Loan.

Các tòa án xử những việc về bản quốc là Tòa án **sơ-cấp** (ở các phủ, huyện, châu, mỗi nơi có một tòa án sơ-cấp); tòa án **đệ-nhị-cấp** tức là tòa án tỉnh, tòa án **đệ-tam-cấp** hay là tòa thượng-thẩm (hoặc gọi là tòa phúc-thẩm). Tòa án **sơ-cấp** có quyền sơ-thẩm và trung-thẩm tất cả những việc tạp-tụng mà giá ngạch không quá ba mươi đồng bạc sảy ra ở trong địa-hạt. Tòa án **đệ-nhị-cấp** có quyền sơ-thẩm và trung thẩm những việc dân-sự, thương sự và giá mục quá ba mươi đồng bạc và không tới một trăm đồng bạc, những việc kiện về gia-sản, thừa tự, không thể định được giá mục là bao nhiêu, những việc kháng cáo án-nghĩ của tòa sơ-cấp về tội vi-cảnh, những khinh tội, trọng tội, những việc có can-hệ đến thân-phận và cấu-cước của người ta vân vân . . . . . Tòa án **đệ-tam-cấp** có quyền xét sử những việc kháng cáo án sơ-thẩm của các tòa đệ-nhị-cấp, những việc xin tiêu hủy án trung-thẩm của các tòa án sơ-cấp và đệ-nhị-cấp, những việc xin tái-thẩm xin khai phục công-quyền, vân vân . . . .

Đó là thuộc về tổ-chức nha-môn, theo luật mới hiện đương thi-hành ở các tỉnh xứ Bắc-kỳ. Còn những xứ chưa thi-hành luật mới, như xứ Ai-Lao (không kể Vientiane), xứ Cao-Mên và xứ Trung-kỳ (không kể Tourane và Vinh) thì vẫn còn theo luật cũ của từng xứ một, phàm những việc án kiện có quan sở-tại địa-hạt và quan án tỉnh xét sử, xong rồi đệ bẩm về bộ-hình ở các kinh-đô bản-xứ.

Tòa án hộ và tòa án thương-mại thì gián hành với các tòa án hình để chuyên xét xử về những việc giao-kèo, khế-ước, về việc buôn bán, và các việc công nợ điền thổ. Tòa án binh thiết lập ở các đồn trại quan-yếu để xét xử các việc phạm về quân-luật sảy ra ở trong các hàng quân-ngũ ; ở Saigon và Hanoi, mỗi nơi có một tòa án Cai-trị. Tòa án Cai-trị xét xử những việc thuộc về cai trị có can thiệp đến Chính-phủ. Còn tòa án Áo-đỏ, tòa án Áo-đen mà người ta thường gọi, đó chẳng qua là những tiếng sưng-hô mà thôi, chứ không có đẳng-cấp nha-môn gì cả. Áo đỏ chỉ duy có phiên tòa đại-hình, các quan tòa mặc áo đỏ cho nên gọi là tòa án áo-đỏ mà thôi. Còn áo đen thời tất cả các tòa án sử theo luật tây và luật mới như là tòa án trừng-trị, tòa án sơ-thẩm, tòa án phúc-thẩm và tòa án đệ-tam-cấp (tức là tòa án thượng-thẩm) các quan tòa đều mặc áo đen cả. Ta có người tưởng rằng : áo đen chống án lên tòa áo-đỏ, tòa áo-đỏ to hơn tòa áo-đen, các quan-chức tòa áo-đỏ có danh-giá hơn, có quyền-thế hơn các quan chức tòa áo-đen. Cũng có người tưởng rằng : Tòa áo-đỏ xét xử những việc đại-gian, đại ác, kết những tội lưu, đồ, khổ-sai và sử-tử, còn tòa áo-đen thời chỉ sử những việc phạt tù, phạt giam, phạt bạc mà thôi. Tưởng như thế là nhầm. Tòa án đệ-tam-cấp (tòa thượng-thẩm về phòng thứ nhì thuộc về Nam-án) chẳng là tòa áo-đen ru ? Sao cũng có kết những án đồ, khổ-sai và sử-tử ? Danh hiệu khác nhau thế nào, thẩm-quyền khác nhau thế nào, trên ta đã bàn rõ, giờ chỉ rút lại một câu vắn-tắt cho người ta dễ hiểu rằng : Áo đen, áo đỏ chỉ là cái tiếng sưng-hô, mà tòa áo-đỏ tức là tòa án đại-hình, chỉ xét sử những việc trọng-tội thuộc về luật tây mà thôi vậy.

(Sẽ tiếp theo)

SƠN-XÁ LÊ-KHẮC-HOA.

文學之部

VĂN-HỌC

NHỜI LUẬN THUYẾT GIẢI VỀ NGHĨA THIÊN-LƯƠNG

(tiếp kỳ số 1)

NÓI VỀ PHẦN RIÊNG TỪNG MỘT NGƯỜI

Phàm người ta, ai nấy đều cũng có thiên-lương; ai nấy đều có hưởng thụ không-khí thiên-lương của nhân-loại.

Cứ đâu biết rằng phàm người ai cũng có thiên-lương? Chỗ đó như không thể lấy gì làm chứng minh, song xem như thiên-lương phát trưởng bất tề, mà nhẽ cũng tự rõ. Ba nguyên-chất thiên-lương, phàm người ai cũng có, mà phát sinh tư trưởng thời rất không đều nhau. Xưa nay bao hào kiệt thánh hiền, khó có người toàn thịnh cả ba, ngành nọ hơn thời ngành kia thường phải kém. Nay lược tự ít nhiều người, người nào phát trưởng mạnh về ngành nào, liệt biểu như dưới:

1° **Lương-tri** — *Tụy-Nhân, Thần-Nông* cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học.

2° **Lương-tâm** — *Khổng-tử, Gia-Tô, Thích-Ca* cùng các nhà tôn-giáo, đạo-đức, luân-lý.

3° **Lương-năng** — *Nã-phá-Luân, Thành-cát-tư-Hãn* cùng các người anh-hào; các nhà mỹ-thuật.

4° **Lương-tri, lương-năng** — *Kha-luân-Bố.*

5° **Lương-tâm, lương-năng** — *Hạ-Vũ, Hoa-thịnh-Đốn, Trương-Trắc.*

6° **Lương-tri, lương-tâm, lương-năng** — *Gia-cát-Lượng.*

Giở lên như biểu liệt đó, ông Tụy-Nhân, ông Thần-Nông cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời lương-tri vẫn chiếm phần hơn. Đức Khổng-tử, đức Gia-Tô, đức Thích-Ca cùng các nhà tôn-giáo, đạo đức, luân lý, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời lương-tâm vẫn chiếm phần hơn. Ông Nã-Phá-Luân, ông Thành-cát-tư-Hãn cùng các người anh hào, các nhà mỹ-thuật, không phải là hai ngành thiên-lương kia không phát sinh tư trưởng, nhưng khai hoa kết quả thời lương-năng vẫn chiếm phần hơn. Đến như ông Kha-luân-Bố thời lương-tri phát trưởng ngang với lương-năng; ông Hạ-Vũ, ông Hoa-thịnh-Đốn, bà Trương-Trắc thời lương-tâm phát trưởng ngang với lương-năng. Lại như ông Gia-cát-Lượng thời ba nguyên-chất của thiên-lương phát sinh tư trưởng, khai hoa kết quả đều như nhau, cho nên sàn sàn thấp bé vậy. Thống xem các thánh hiền hào kiệt lược tự đó, không dám bảo ai là người có giá-trị với nhân loại hơn kém thế nào; chỉ là để chứng minh thiên-lương phát trưởng bất tề có như thế. Cái khí anh linh ở trong người có hạn, chia nuôi cả ba ngành cho sinh trưởng thời sự kết quả cũng có hạn, mà không mỹ-mãn được là bao; riêng một ngành hút mạnh chồi cao thời hoa nhớn quả to, la-đà mặt đất vậy. Cho nên như ông Gia-cát-Lượng, anh-hùng không bằng

những ông Nã-phá-Luân, Thành-cát-tư-Hãn, đạo đức không bằng các đức Khổng-tử, Gia-Tô, Thích-Ca; công dụng minh trí ở nhân-gian không bằng các ông Tuy-Nhân, Thần-Nông cùng các nhà phát minh về khoa-học; các nhà triết-học. Cớ thế vậy.

Tự thánh hiền hào-kiệt xem ra có như thế, lại xem ở phàm-dân thiên-hạ mà càng thấy cái nguyên-cớ thiên-lương phát trưởng bất tề. Người ta mà không làm được nên thánh hiền hào kiệt là vì sao? một là cái hạt giống thiên-lương không tốt; hai là cái khí anh linh ở trong người không hậu; ba là sự bồi dưỡng ở bên ngoài không thận-mật công-phu. Cho nên tai mắt cùng như nhau, mà ức triệu kinh cai lục lục phàm dung vậy. Trong số ức triệu kinh cai đó, thiên-lương phát trưởng lại rất là bất tề. Nghe người đời thường có câu nói rằng: « 善人少, 不善人多 — *Thiện nhân thiểu, bất thiện nhân đa — Người thiện có ít, người bất thiện thời nhiều* » Vậy nghĩ như người thiện tại sao mà có ít, người bất thiện tại sao mà thường nhiều? Chữ *thiện* đó tức là sự khai hoa kết quả của một ngành lương-tâm. Nguyên lương-tâm cùng lương-tri, lương-năng, dẫu cùng là ba nguyên-chất của thiên-lương, mà bổn-tính có khác. Một chất lương-tri kia, sau lúc đã phát sinh, không những không có sự vật gì đủ làm hại, mà nhất thiết bao nhiêu sự vật có tiếp đến, đều như bón như tưới, bồi dưỡng cho tốt tươi. Cho nên trừ những người nào một mảnh giống lương-tri cặn lép, có phát sinh mà không tư trưởng, cùng những người chỉ cứ ở quanh trong làng xóm, các sự vật ít tiếp đến tai mắt, như thế thời lương-tri không trưởng dưỡng mà hết đời là người không có khôn. Ngoài hai hạng người đó thời tinh quái khôn ngoan chẳng ít vậy. Một chất lương-năng kia, sau lúc đã phát sinh, dẫu không có mấy sự vật làm ích, cũng không có mấy sự vật lam hại. Cho nên trừ những người nào một mảnh giống đó cặn lép thời đành chịu là người không có tài; ngoài ra thời nhất nghệ nhất năng chẳng ít vậy. Một chất lương-tâm, sau lúc đã phát sinh, các sự vật ở nhân-thế phần nhiều những làn sâu làm bọ, làm sương làm gió, cùng cắn nhấm, lụi rập, làm cho khó thể mà nhóm lên. Lương-tâm không nhóm thời khai hoa được sao, kết quả được sao. Cho nên người thiện có ít, người bất thiện thời nhiều, là vì một chất lương-tâm không thích hợp với phần nhiều những sự vật ở đời, khó phần sinh-trưởng vậy.

Theo như cái nguyên-cớ giải đó, lại thấy rằng người đời xưa với người đời nay, người nhà quê với người thành-thị, nhận ra có khác nhau. Đời xưa kia, các sự vật ở đời còn đan dản, tiếp đến lương-tri của người ta còn ít, thời bồi dưỡng cho lương-tri ít; lương-tri ít những vật bồi dưỡng, cho nên sự khôn ngoan chậm phát đạt. Cũng vì sự vật ở đời còn đan dản, cho nên tiếp đến lương-tâm của người ta còn ít, thời làm hại cho lương-tâm ít; lương-tâm bị những vật làm hại ít, cho nên tính người còn hiền lành thực-thà. Đến nay, các sự vật ở đời rất phân-phồn, tiếp đến lương-tri của người ta ngày nhiều, thời bồi dưỡng cho lương-tri nhiều; lương-tri được những vật bồi dưỡng nhiều, cho nên sự khôn ngoan sớm phát đạt. Cũng vì những sự vật ở đời rất phân phồn, tiếp đến lương-tâm của người ta ngày nhiều thời làm hại cho lương-tâm nhiều; lương-tâm bị những vật làm hại nhiều, cho nên tính người thường gian dảo quỉ quyệt. Người đời xưa hiền lành thực-thà mà kém phần khôn ngoan; người đời nay tinh quái khôn ngoan mà ít bề trung hậu, Cớ thế vậy. Người nhà quê với người thành-thị, xem ra cũng như thế.

* * *

Loài người từ lúc còn ấn lông ở lỗ, chưa có vợ chồng, cha con, anh em, vua tôi, bè bạn giở về trước không kể; sau khi đã có nhà cửa, ăn thức chín, có luân

thường đạo lý của gia-đình xã-hội đến nay, phàm người, ai đã có thân sinh ra đời, đều được hưởng thụ cái không-khí thiên-lương của nhân-loại. Sự hưởng thụ đó, so với sự thiên-lương phát trưởng, lại rất là bất-tề. Nghĩ như con người ta từ lúc oe oe tiếng khóc, cho đến khi văng vẳng lời trần, phàm tiếp-thụ vào một thân, nếu được những cao lương cẩm tú, xa mã lâu đài; từ-phụ hiền-huynh, hiền-thê hiếu-tử; lại thêm có người yêu kẻ quí, mà hương khói nghìn thu. Như thế thời cái không-khí thiên-lương, hưởng thụ được mỹ-mãn hoàn-toàn, dành đã rõ lắm vậy. Hoặc các sự tiếp thụ vào một thân, chỉ là những khăn vận áo manh, cơm rau nước lã, em càn anh dở, vợ dại con hư; lại chỉ thêm tôi tớ một đời mà hình qua bóng khuất. Dẫu thế mà cái không-khí thiên-lương, chẳng rằng không hưởng thụ vậy. Một sự hưởng thụ đó, thực rất là bất tề, hay lược chia làm hai loại:

1. — Hưởng thụ về sự khai hoa kết quả của lương-tri, như cao lương cẩm tú, xa mã lâu đài; khăn vận áo manh, cơm rau nước lã.

2. — Hưởng thụ về sự khai hoa kết quả của lương-tâm, như từ-phụ hiền-huynh, hiền-thê hiếu-tử; em càn anh dở, vợ dại con hư.

Hai loài đó lại không biết bao nhiêu là đẳng cấp, phàm người đều có hưởng thụ cả mà hơn kém nhau thời rất xa; hơn phần nọ, kém phần kia, cũng như thiên-lương phát trưởng bất tề vậy. Sự hưởng thụ bất tề đó, do cảnh-ngộ thiên-nhiên, mà năng-lực của người ta cũng dự có ít nhiều trách-nhiệm. Nhiều người thấy hưởng thụ bất tề mà lấy chỗ kém người làm đáng oán, vậy thời như phát trưởng bất tề mà có chỗ kém người sao?

(sẽ tiếp theo)

Nguyễn-khắc-Hiếu

Sử-luận

Hai bà Trưng. — *Nước Nam ta từ sau đời Hùng-vương thứ mười tám, Thục Triệu đế vương, Hán-triều quận huyện, nào là tình duyên của My-Châu Trọng-Thủy, nào là thư từ của Triệu-Võ Hán-Văn; đinh đám người, mẹ con ta, kể chép sử cũng đáng buồn cháng vậy?! Vua Trưng là một người đàn-bà, báo thù cho chồng mà lấy lại được nước; cô Nhị là một người con gái, cảm tình cùng chị mà theo đuổi với giang san. Ấy không những là một bực người đáng tôn đáng quí ở nước ta; đối với khắp cả nữ-lưu trong doanh-hoàn, chút không hổ thẹn vậy. Nước biếc xa vời, sử xanh rạng vẻ; nghìn thu hương khói, đã đâu phụ bạc đáp với anh-hùng!*

Từ Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân (tổng luận). — *Giở lên từ mười tám đời Hùng-vương đến mười hai Sứ-quân, ở sử cũ lấy làm tiền-biên. Trong đời Hùng còn về buổi thái-sơ, dân-tộc chưa có gì là tiến-hóa. Sau này mấy lần bắc-thuộc, kể dồn lại có hơn nghìn năm. Hơn một nghìn năm đó, các quan Tàu phái sang cai-trị, hiền lương có ít mà tham-nhũng thời nhiều; đấu muối đổi lấy con trâu (1); con cá đánh thuế đấu thóc (2). Tự vua Tàu đã không lấy dân-tộc Nam-Giao làm trọng khinh, cho nên dân ta cũng chỉ lấy quan-lại bắc-phương làm may rủi. May mà gặp ông quan đứng-đắn thời được phần yên vui; chẳng may gặp kẻ không ra gì thời phải chịu khổ-sở. Song tự nay nghĩ lại, những lúc yên vui đó không đủ kể làm mừng, những lúc khổ-sở đó không đáng nghĩ làm cực; chỉ tiếc rằng văn-minh Đông-Á trong buổi ấy, dân tộc Chi-Na đã cao chân dài bước mà ta không tiến-hóa được là bao! Bảo rằng Nho-giáo truyền sang, cũng gọi có chút đỉnh thôi vậy. Quan cai-trị của Tàu đã không đủ mong nhờ, nước ta có một đời người*

hào-kiệt nổi lên thời chỉ những chống đỡ với bên ngoài mà hết tháng hết năm, còn đâu tính đến khai dân-trí. Bởi thế cho nên một đoạn Quốc-sử của ta đó, như người còn trong tuổi trẻ bé mà hàn-vi, là Quốc-sử mà chưa đủ kể là Quốc-sử vậy. Tuy vậy, có một đoạn Quốc-sử đó mà mới biết tổ-tiên ta ngày trước, khó-khan gây dựng, đổ biết bao bồ-hôi nước-mắt với non sông. Nay ta thử mở bức địa-đồ, ngẫm xem lại nước nhà khi cũ, chẳng qua chỉ có đất Bắc-kỳ và một hai phần ở Trung-kỳ; trải bao phen My-Linh đuổi Hán, Giạ-Trạch trừ Lương, đến vua Ngô lại thắng trận Bạch-Đằng mà Đinh, Lý, Trần, Lê nối theo thời sơn hà nước Nam mới riêng thành một đế-quốc vậy. Cho nên ở sách sử Khâm định lấy từ dây giới về trước là tiền-biên; từ nhà Đinh giở lại là chính-biên.

(1) Trong đời thuộc Tuỳ *Lý-Trác* sang làm quan Kinh-lược, lấy một đấu muối đổi lấy con trâu của dân. Dân không thể chịu được, bèn đưa giặc Nam-Chiếu về làm loạn.

(2) Trong đời thuộc Hán, *Chu-Phù* sang làm Thứ-sử, đem nhiều những người làng, dùng làm quan dưới, truyền sự hà-hiếp dân, một con cá lấy thuế một bộc thóc Trăm họ oán phẫn, cùng họp nhau đánh phá châu quận. *Phù* chạy vào bể, bị giết chết.

Lý-thường-Kiệt Tôn-Đản đánh Tống. — *Nước ta xưa đánh nhau với Tàu, nhiều phen được to, như nhà Trần với người Nguyên, vua Lê với người Minh, Nguyễn, Quang-Trung với người Thanh, đều đủ làm cho người Tàu hết cả mình là nhớn. Tóm sau trước mà nghĩ thời việc đánh Tống này có giá-trị hơn nhất. Các việc kia khác, đều là người Tàu sang cõi ta, chiếm đất ta; quân ta vì chống-chế, vì khôi-phục mà đánh, đánh mà được. Một việc đánh Tống này thời quân ta tự chân sang đất Tàu, đường-hoàng kể tội vua tướng của nước Tàu mà đánh, đánh mà được, cho nên gọi là có giá-trị hơn. Tuy vậy, người nước ta xem sử đến đây, vui thời vui, nên cũng nghĩ lấy làm tiếc. Đáng tiếc là vì sao? Nước ta có một cái cơ-hội rất tốt ở trận đánh Tống này mà ta không lợi-dụng được vậy. Xem như ở sử Tàu, người Mông-Cổ phá trận Đại-Thủy Lạc mà rồi lấy Kim, lấy Tống, vào làm vua Trung-hoa, một trăm năm nhà Nguyên (1) vậy. Người Mãn-Châu phá trận Sơn Hải-quan mà lấy Minh, cũng làm vua Trung-hoa, ba trăm năm nhà Thanh (2) vậy. Người An-nam ta nhân một phen đánh được ba châu này mà tiến quân sang nữa, biết đâu ở lịch-sử Trung-quốc, không có mấy trăm năm nhà Lý từ trước ru? Ở lịch-sử Trung-quốc đã có mấy trăm năm nhà Lý thời từ ấy đến nay, người Chi na không dám lấy An-nam ta làm khinh, người nước ta cũng không tự lấy An-nam ta làm nhỏ vậy. Ai có cho nhời luận này làm sỉ-dàm, xin thử hết dọc ngang mà nghĩ. Lấy tình thế mà nói: nước Tống khi ấy, bắc có giặc Liêu, tây có giặc Hạ, quân thua của hết, nước yếu dân nghèo, trong triều lại chia ra bè đảng, duy tân thủ-cựu, chính-sự mỗi ngày mỗt nát; nước ta thời vua tôi cùng lòng, quân dân mạnh chí, ba đời vua trước ngót trăm năm, còng đức còn ở giang-sơn vậy*

Lấy tài sức mà nói: người Mông-Cổ đánh được Trung-quốc mà quân Chi nguyên thua ta; người Mãn-châu đánh được Trung-quốc mà quân Càn-long thua ta; quân-khí không hơn nhau mà quân-pháp thời Tống từng theo Lý (3) vậy. Nếu lấy về nhớn nhỏ mà nói thời Mãn-Châu, Mông-Cổ, đất cũng không rộng hơn Trung-hoa, người cũng không nhiều hơn Trung-hoa vậy. Tóm lại chỉ là tự yên lòng làm dưới thời không dám mong lớn, ấy thực là một cái tính-căn của người mình từ trước đến sau, tưởng không riêng gì mấy vua tướng nhà Lý. Bởi một cái tính-căn ấy, cho nên vua Nhân-tôn nhà Lý không dám có cái chí-khí như Đặc-Mục-Tàn, Hốt-tất-Liệt, Phúc-Lâm Thanh Thế-tổ (1), mà chỉ lấy "Giao-Chỉ-quận-vương" làm tôn vinh; khiến cho hết con đến cháu, hết Lý sang Trần, cầu phong tiến cống phân-vân, lễ phiên-thần giữ phiên-thần thế thôi. Tiếc thay!.

(1) Nước Mông-Cổ trước vẫn phục thuộc về nước Kim, mỗi năm cũng vẫn phải tiến-cống

Đến đời vua Đặc-Mục-Tân, vua Kim là Vệ-vương Vĩnh-Tế mới lên ngôi, sai sứ đem tờ chiếu sang Mông-Cổ, bắt vua Mông-Cổ phải quì lạy mà nhận tờ chiếu. Đặc-Mục-Tân hỏi sứ-giả rằng: « Vua mới là ai? ». Sứ rằng: « Là Vệ-vương. » Vua Mông-Cổ liền nhổ nước bọt mà bảo rằng: « Ta tưởng Hoàng-đế ở Trung-nguyên là người ở trên giời xuống làm; như những đồ hèn-mạt ấy mà cũng làm đó ư? Có lạy làm chi! » Từ đấy tuyệt nhau với Kim mà phải quân sang đánh. Năm sau (năm tân-vị, đời vua Huệ-tôn nhà Lý ta Kiến-gia năm đầu — 1211), liền phá được trận Đại-Thủy-Lạc mà càng tiến quân mãi, lấy gần hết đất của nước Kim. Đến đời con là Ngạc-Cách-Đức-Y thời lấy hẳn nước Kim. Lại đến đời cháu là Hốt-Tất-Liệt, đổi quốc-hiệu là Nguyên, lấy cả nước Tống, có toàn đất Trung hoa. Họ ấy làm vua ở Trung hoa 91 năm, là kể từ sau lúc lấy Tống — Nước Mông-Cổ ở về giữa châu Á, nay hợp với nước Tàu — Đất nước Tàu khi ấy, từ sông Dương-tử giở về nam là Tống, giở về bắc thời là Kim. Kim cũng là một họ ở ngoài Trung-hoa mà vào chiếm cướp đất của Tống. — Đặc-Mục-Tân là vua Thái-tổ nhà Nguyên; Ngạc Cách-Đức-Y là Thái-tôn, Hốt Tất Liệt là Thế-tổ.

(2) Họ Ái-Tân-Giác-La nổi lên ở Mãn châu, đặt quốc-hiệu là Thanh, nhân cuối đời nhà Minh, Trung-quốc nội loạn, bèn đem quân vào đánh, phá trận Sơn-Hải-quan, lấy Minh, làm vua ở Trung-hoa 267 năm.

(3) Người Tống là Sái-diên-Khánh thường bắt chiếc theo phép đánh trận của ta (thì nhà Lý), làm ra sách để dâng lên vua Tống; vua Tống lấy làm phục lắm.

(4) Vua Thế-tổ nhà Thanh tên là Phúc-Lâm.

ÂU-VĂN TẠP-THUẬT

I

.....Giống lúa ngon, tất sinh trưởng ở nơi đồng tốt; giống thú dữ, tất sinh-sản ở chốn rừng sâu; anh-hùng hào-kiệt, tất an-nuôi vùng-vẫy ở trong không-khí tự-do vậy. Vả chăng, đã là đấng anh-hùng hào kiệt, chưa từng chịu đua đời theo tục mà không độc-lập giữa trần ai. Nay vì như có người, tài trác-lạc hơn đời rất xa mà cái đức quả-quyết trái đời không có, làu làu mãi, cái tài ấy chỉ uất-tắc tiêu mòn mà không tỏ rõ với công-chúng, cái người ấy chỉ bình-dung ẩm dạm mà cam bạn lũ với phàm lưu; như thế thời hại riêng cho mình ai đã thật nhiều, mà thiệt-thòi cho xã-hội lại càng không biết bao nhiêu vậy. Vậy nếu như con người ấy mà Giời lại phú cho có cái tính cương-cường dũng kiện, thời tất phải phá toang vòng thế tục, gầm hét không yên, mà những ai trong chốn trần ai ku không biết vì sao cho phải thế, cho là rồ, cho là gở, túm dàn tụm lũ mà chê bai. Than ôi, có khác chi tôi trên bờ sông Nil, thấy nghìn trùng sóng gió, mà kinh hoàng, mà quái lạ, lạ rằng sao chẳng thuận làn êm sóng như các ngòi các lạch ở Hà-Lan!

II

. . . . . Cớ vì đâu thương quá cho ai kia? Thương cho ai trong lòng nguyện không có thú hứng nổi gì, cũng không có mê chuộng nhẽ gì; vậy mà cấm không cho theo tục thời tàm hồn vơ-vẩn, như không biết đi về nơi nao. Ấy chỉ là trong cái tâm chỉ con người đó như con ngựa dùng kéo xe đã lâu, đã quen chịu với cái đòn xe, cho nên đứng đi cất nhắc, nhất thiết trông ở người, đến cả như những sự vui chơi là thú riêng mình với mình, mà tất cũng theo tục đua đàn, lấy làm đắc ý. Cái cách ở đời của những con người đó, như dê đi đàn, như cá sâu chuỗi; dẫu cho gọi là có kén chọn những điều hơn nhẽ phải, cũng chẳng qua chỉ theo như điều hơn nhẽ phải của ai ai. Còn đến như những việc trái tục khác thường, thời sợ hãi gớm ghê, coi như thể hung-thần tội-ác. Trước kia tự bỏ cái tài của giời cho mà không cất nhắc đến, lâu thời hóa ra không có cái tài chi nữa mà có thể đem dùng; ấy thế là bao những cái thiêng-liêng riêng có được hơn người đã mòn mỏi tiêu hao hết mất vậy. Lại đến lúc hơi tàn bóng sế mà nhất-thiết bao nhiêu cái cảm tưởng vui hay buồn, ham hay chán, tự mình cũng không còn có một chút nào chân thực, chỉ theo đời cho qua. Trăm năm thân thế, một phút trần-ai, công hầu thật có như ai, mà con sâu cái kiến vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

QUỐC - VĂN BÌNH - LUẬN

NÓI VỀ VĂN THƠ

Các bạn làng văn ai đã từng đọc báo Hữu-Thanh, hẳn cũng còn nhớ bình-giả năm xưa đã có bàn về mục này, thủy-chung sáu bảy số báo, từng đã bàn qua các lối thơ nôm cho chí phong-giao, từ-khúc. Nếu phỏng Hữu-Thanh không bị mấy lời chắc-trở mà đến ngày nay báo vẫn còn ra, thì các lối văn nôm, các bài văn cổ, các tập văn kim, bình-giả đã được cái vinh-hạnh trích bàn cho đến bây giờ chưa hết; vì bài thứ nhất trong mục "*Quốc-văn bình-luận*" đăng ở Hữu-Thanh số 22, bình-giả đã nói: «Các lời văn, các tập thơ, đem trích bàn mãi thì mục này chưa biết đến đâu là cùng-tận vậy».

Nhưng việc trước đã qua, không cần kể chi. Ngày nay An-Nam tạp-chí ra đời, cảm cái chủ-nghĩa hay mà viết bài giúp báo, bắt đầu cầm bút, sao ta lại không bàn đến những vấn-đề có quan-thiết đến thời-cục, mà lại bàn tiếp ngay cái mục đã cũ là mục chuyên về văn-chương. Há lại chẳng biết: chuyện đời việc trước, bao đường ngổn ngang, những kẻ sĩ-phu đã có tâm-huyết, không thể bỏ qua mà không bàn được; song muốn bàn mà bàn lên trên báo thời nên bàn ra làm sao? Nghĩ đến câu «*muốn nói mà không được nói*» trong tập *Giấc-Mộng-con* thì ngòi bút dẫu sắc cũng phải tạm dừng, riêng giữ cái chủ-ý của nhà văn mà bàn về thơ văn vậy.

Văn thơ quốc-âm đến lời này mà còn bảo là buổi phôi-thai thì không phải, bảo là buổi đã phát đạt cũng lại không phải, chính là buổi sĩ-phu trong nước đã biết trọng về quốc-văn mà quốc-văn đã có cơ phát-đạt vậy. Thử xem những thơ ca phát hiện ở trong văn-giới, mới từ năm ngoái đến nay đã thấy khác nhau nhiều lắm. Nói rằng bởi sự hay dở khác nhau cũng có, mà bởi cái cảm-phát khác nhau thì lại nhiều hơn. Hay dở khác nhau là bởi công luyện-tập, còn cảm-phát khác nhau thì do cái thời-cục sui nên.

Nay những bài dở bài hay, câu được câu hỏng của các nhà văn-sĩ trong mấy năm nay, chưa cần phải bàn vội, vì để sau này xin sẽ trích riêng từng tập, từng bài mà nói. Trước hết hãy xin nói: vì sao bảo "cái thời-cục sui nên nhà văn có cái cảm-phát khác xưa"?

Ai cũng đã biết: người ta có cảm đến sự vật, súc đến tình-tính thì mới phát ra thơ-văn. Thơ văn tức là cái tư-tưởng hiện ra bề ngoài vậy. Phàm ở vào đám nhân-quần chưa tiến-hóa, giao-tiếp tới tri-giác của mình toàn là những sự chất-phác, thì mình phát ra thơ văn thường thấy những giọng chân-thực; mà ở với cái xã-hội đã suy-đốn, súc-động đến cảm-giác của mình toàn là những việc khó chịu thì mình phát ra thơ văn thường thấy lắm giọng bi-ai. Buổi dời thay cũ đổi mới, điều gì cũng phải suy nghĩ tìm tòi, thì các nhà thơ văn cũng lại theo thời mà lập dị; phong-trào thúc-dục làm cho người mê tỉnh dậy thì những nhà văn-sĩ cũng lại bạo dạn mà cao-ngâm. Cứ xét như vậy, thời thơ văn của người ta há lại chẳng theo thời-vận mà mỗi khi một khác ru?

Trong khoảng hơn một năm trời nay, phong-trào thay đổi, cái thú rung đùi ngâm thơ, học-giả tuy không còn có thể ưa chuộng được mãi; song cảm đến cuộc vọ, ngỡ đến việc kia mà thường cũng phải phát ra lời thơ câu văn. Thơ văn của ta gần đây dẫu chưa được mạnh bạo như người Pháp hát khúc *quốc-ca* người, Nhật ngâm khúc *tùng-chinh*, nhưng nghe rạc cũng có nhiều câu khẳng-khái, dẫu có *bi* nhưng cũng có thể gọi là «*bi-tráng*» được vậy. Ấy là theo thời-vận mà khác trước đó.

Nhưng dẫu đã biết rằng: thơ văn hồi nay khác với năm trước, thì ta lại nên biết

rằng : thơ văn năm trước so với thơ văn đời xưa cũng lại khác nhiều. Vậy muốn cho rõ cái lẽ "thơ văn theo về thời vận" thì ta cũng nên nhân đây mà nói qua về văn thơ đời trước ; không cần khảo cổ, chỉ lược bàn qua vậy.

A/ Văn thơ về thời cận-cổ.

Đây nói văn thơ về thời cận-cổ, là trích những bài văn thơ từ đời nhà Lê trở xuống. Bởi sao không xét đến thơ văn những đời trước nữa ? Vì không phải là khảo cổ, cốt chọn bài mà bàn. Vả, nước ta sau khi có ông Hàn-Thuyên đã đặt ra thơ phụ quốc-âm, người nước cũng chưa mấy ai chịu tập, trong đời nhà Trần, giá-hoặc cũng có đôi ba bài thơ ca truyền lại, song tới nay mỗi người đọc một khác, mỗi người chép một sai, vậy ta không thể chọn mà bình luận được. Xin nói qua về văn thơ đời Lê.

Văn-hóa nước ta đến triều Lê là thịnh, mà về đời Hồng-đức lại là đời thịnh nhất. Trên thì có vua hiền-minh, dưới trăm họ yên-ổn, những kẻ văn-thần trong triều được siêm áo phởn-phơ ở dưới quyền quân-chủ, cho nên ai nấy đắc ý mà phát ra thơ ca toàn những giọng vui. Xem đến "*Hồng-đức quốc-âm thi tập,*" thì thấy bài nào ý vị cũng cứ như nhau, trích lấy một bài cũng đủ biết :

Thơ xuân

Tự thủa đông-hoàng chịu lấy quyền.
Thiều-quang làm cảnh sáng xuân-thiên.
Dường hoa chấp-chới tin ong rạo,
Đặm liễu thung thăng sứ điệp truyền.
Ả Ngụy nàng Diêu khoe đẹp-đẽ,
Người thơ khách rượu rộn mời khuyên.
Nam-nhi gặp thủa công khi ấy.
Áo ngự Tràng-an mới phỉ nguyền.

Xem đó thì câu nào cũng có vẻ đắc ý gặp thời vận hay, song lời thơ quê-kệch không có văn hoa, đủ biết cái nhân-quần bấy giờ vẫn còn lắm vẻ chất-phác.

Nhân-quần hãy còn trọng về chất phác, thì càng những nhà đạo-đức-học lại càng chuyên trọng đạo-đức. Cái đạo-đức ấy không những phát ra ở học-vấn, mà lại phát ra ở cả thơ văn. Văn thơ đã thuần giọng đạo-đức thì lời lẽ tất phải thật-thà, xem thơ cụ Trạng Nguyễn Bỉnh-Khiêm trích ra đây thì biết :

Lấy chăng ai cấm, mặc ai dùng,
Hễ của tự-nhiên ấy của chung.
Non-nước có mùi lòng khách nhớ;
Trúc-mai làm bạn hứng thơ nồng.
Chốn điền-viên cũ dầu thong thả,
Đạo thánh hiền xưa vốn chốc mòng,
Lòng thử hỏi lòng không hổ thẹn,
Đến đâu thời cũng có xuân-phong,

Ấy, chỉ toàn là cái tính-tình chân-chính như thơ Tru, Thiệu ở trong sách Tinh-lý mà thôi, chứ chẳng có văn-chương gì cả.

Cuối đời nhà Lê, gặp buổi suy-loạn, cảm cái quốc-vận lúc đó mà cụ phát ra câu thơ :

"*Hai vua, ba chúa, bầy thằng con*"

cùng là :

«Nhân-vật thời giờ, sinh cũng uổng,
Quan tài sẵn đó chết thời chôn.»

thì nghe lời thơ đã thấy đỡ chất-phác hơn mà lại có vẻ hoạt-động hơn nữa. Còn giọng «bi» hơn trước thì là cảm về thế vận lúc đó. Xem thế thì biết thơ văn về đời Lê-mạt đã khác trước nhiều lắm.

B. — Thơ văn về cận-thế.

Thơ văn cận-thế là nói từ triều Nguyễn cho tới nay, phong hội nhiều lần thay đổi, cho nên thơ ca cũng mỗi lúc một khác. Kỳ thủy chưa có những cái thời-đại sức động lòng người, thì các nhà làm văn chỉ trọng những lời thơ ca đặt cho hồn-hậu, cho có khí tượng mà thôi. Dần dần cuộc đời biến đổi, đến thời cụ Yên-Đổ đã là lúc có nhiều cái cảm súc khác với khi xưa; tuy vậy nghĩ lắm cũng vô khả nại hà, cho nên bực có kiến-thức như cụ hằng phát ra thơ phẫn, phẫn quá thì lại sinh ra những nhời khinh thế ngạo vật, mà để gởi cái tình-tình vào thơ văn mình vậy. Ai đã đọc thơ văn cụ, chắc là cũng xét được như

thế, không cần phải trích nhiều, hãy trích ngay một câu của cụ viếng cụ Thượng Dương:

« Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội làm chi dã mải lên tiên! »

thì đủ rõ. Đại khái trong thời cụ Yên-Đổ nhiều cụ làm thơ văn nôm cũng có cái cảm-phát như thế cả. Nhất là thơ của cụ Án Lê-lượng-Thái, lắm bài cực kỳ điêu luyện, mà vẫn có ý phẫn, có ý khinh thế ở trong, như câu vịnh *« Dầm tháng bảy mưa lụt »* rằng:

« Cờ phướn diễu dàn sư hết đất,
Trống chiêng vọng nước tiếng vang giời.
Đòng-đong cần cấn lên từng lũ,
Võng lọng dù xe sếp một nơi. »

thì dẫu vịnh cảnh mà vẫn có ý-vị lắm.

Thơ ca từ hồi ông tú Xương cho đến mấy năm trước đây, thì lại thấy lắm bài thanh-thoát hơn trước mà âm-hưởng lại réo-rắt, ý-vị lại có chua cay, ấy lại là vì cái tân-trào khích-thích mà ra đó. Thường nghe mấy câu *« vịnh sông lấp ở Nam-Định »* của ông tú Xương:

« Sông kia giờ đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Dặt mình còn tưởng tiếng ai gọi đò. »

thì giọng văn não-nùng biết bao.

Lắm kẻ không xét thời-cục, cứ thấy giọng thơ sầu-bi thời chê, nhưng có biết đâu: cảm cái hoàn-cảnh xã-hội không vui thì thơ có khỏi *« bi »* sao được. Nhưng cái bi lúc ấy dành về một sự sầu-bi thì chỉ gọi là trầm-bi mà chưa có thể gọi là bi-tráng được vậy.

Thơ văn về hồi này

Cảnh-tượng xã-hội ngày nay thật đã biến đổi, mà cái trình-độ của quốc-dân lại tiến lên hơn trước. Tiếng chuông cảnh-tỉnh các miền gần xa, chải đã mấy phen khua động, thì các nhà làm văn tất phải theo thế-vận mà cảm phát một cách bạo-dạn hơn xưa. Thơ văn ngày nay, toàn giọng dạo-đức không được, toàn giọng vui vẻ không hay mà dặt giọng trầm-bi cũng không hợp thời, tất phải có giọng bi-tráng thì mới gọi là hay được. Thơ ca bi-tráng tức là phát-lộ ra cái cảm-tình chính-đáng mà thúc-dục người ta chóng theo kịp người, vậy thì đương cái thời-cục này, cũng nên có những lời thơ ca ấy.

Xét gần đây có mấy tập văn mới xuất bản, thật đã có nhiều bài lắm giọng bi-tráng đáng khen, sau này bình-giả sẽ trích bàn dần đến. Nay hãy lấy một câu của một nhà văn trong Nam tặng một, bậc chí-sĩ mà xem:

« Ba mươi năm lẻ thân cô-khổ,»
« Nặng một lòng thương giống Lạc-Long »

cùng là bài viếng người xa, rằng:

« Gió mưa tan tác mặt quan-hà,
« Lênh-láng trời Nam giọt lụy sa?
« Thương nước, cảm thương người vị nước,
« Cùng nhau lên tiếng khóc người xa.

thì lời thật là bi-ai, mà lại có ý-khí hùng-hồn vô cùng. Gọi là thơ bi-tráng thật là đúng vậy.

Ấy là nói rõ cái lẽ thơ ca theo về từng thời-vận đó. Song đã gọi là thơ ca thì dẫu thế nào cũng phải có qui-tắc, có lời lẽ, mới gọi được là hay; vì thơ ca vốn là một cái nghề mĩ-thuật trong văn chương, không có thể chỉ cốt đặt lấy ý-tứ, lấy khí-tượng mà không chải-chuốt từng câu từng chữ được đâu. Vậy sau này bình-giả còn cần phải trích-bàn nhiều mới rõ.

Ngẫu-Trì
Trịnh-đình-Rư
lai cảo.

Nhời cáo-đạt của một hội ăn uống

(Tản-Đà hài-văn)

Bắc-kỳ Hà-nội Ẩm-thực-hội có nhời kính đạt để đồng-nhân biết rằng:

Người ta sinh ra đời, lấy sự ăn làm trọng nhất. Cho nên ở trong sách tàu có câu rằng: « 民以食爲天 *dân dĩ thực vi thiên*; » nghĩa là *thằng dân coi miếng ăn bằng ông giời.* Ngạn-ngữ của ta có câu rằng: « *ăn đi trước* ». Nước ta, phàm các sự văn-minh đều thua kém các nước, mà kém nhất là sự ăn. Như những con em ở thôn quê, trừ phi ngày dỗ, ngày tết, ngày đám, ngày khao, ít khi có được ăn miếng thịt; mà dẫu có gặp những ngày ấy chăng nữa, miếng ăn cũng không được là bao nhiêu. Các bực đàn anh ở dân quê, nhiều người nhà giầu, nhưng hà-tiện không dám mua mà ăn, có hơn những con em, cũng chỉ ở chỗ sôi phần thịt biếu. Hạng người sang-trọng ở thành thị thời trình-độ ẩm thực đã tấn tới, cơm tàu cơm tây; song cũng là những khi có vui mừng tụ-họp về phần nhiều, chớ như bữa thường ở nhà riêng, cũng ít người ăn đến mỹ-mãn. Nếu kém thực thời sao vực được đạo, còn nói chi đến sự văn-minh. Vì vậy, Bản-hội khai thiết, lấy phù-thực về việc ăn làm duy-nhất tôn-chỉ. Từ ngày thành-lập, bạn đồng-chí cũng mới được ít nhiều; trong mỗi tháng có một kỳ họp ăn để liên lạc cảm-tình, doanh-cầu khoái-hoạt. Nay muốn cho tấn-tốc tiến bộ, thời mỗi tháng phải ăn lên bốn kỳ, định vào bốn chiều thứ bẩy mà bắt đầu từ tháng Juillet năm nay. Lại muốn khuếch-trương cho thế-lực khắp toàn-kỳ thời các tỉnh đều nên có chi-hội. Vậy xin các đồng-nhân, ai người đã vào hội, cùng là người đồng-chí mà chưa có tên trong sổ hội, vì Bản-hội hết lòng cổ-động cho được đạt đến mục-đích hoàn-toàn. Ôi! *Làm giai cho đáng nên giai, một trăm đám cỗ: có tiếng mà không có miếng, cũng dại một đời.* Mong chư-tôn đem ý đó mà khích-khuyến cho đồng-bào, cho Bản-hội mỗi ngày mỗi to, thực là lợi-ích cho tiền-đồ nước nhà chẳng nhỏ vậy.

Nay kính đạt

Đêm hè

Đêm hè chẳn-chọc thức thâu canh,
Trăm mối tơ vương nghĩ quẩn-quanh.
Ai những mơ-mòng, ai gọi tỉnh;
Tiếng gà nghe đã gáy liên-thanh.

Ngọc-Hồ Trần-viết-Bảo

Con chim khôn

(điệu hát sẩm)
(nhời con chim khuyên người làm ruộng)

Con chim khôn đậu trái non đoài,
Tiếng kêu réo-rắt gọi người bắc nam.
Năm canh dài, ngủ mãi còn tham!
Giời đông đã sáng, ra làm kẻo trưa.
Giấc mơ-mồng ai tỉnh hay chưa?
Các cô con gái cũng say-xưa cái nỗi gì!
Thôi xin đừng gương lược làm chi,
Chồng thì chưa có, ruộng thì bỏ hoang.
Hỡi ai con gái trong làng.

Tản-Đà

Vịnh con chim họa-mỵ trong lồng

Họa-mỵ ai vẽ nên mỵ,
Trông mỵ mỵ đẹp, hót thì mỵ hay.
Ai đưa mỵ đến chốn này,
Nước trong gạo trắng, mỵ ngày ăn chơi.
Lồng son cửa đỏ mỵ ơi,
Mỵ bay, mỵ nhẩy, sướng đời nhà mỵ.
Nghĩ cho mỵ cũng gặp thì,
Rừng xanh mỵ có nhớ gì nữa không?

Tản-Đà

Nhời thư của một cô tây gửi trách cậu bồi

Bài này, một người bạn đọc cho tôi, nói là : nguyên đã mười lăm năm trước, có một người đàn bà lấy tây mà tư-tình với người bồi, bị người tây đuổi cả hai. Hai người theo nhau được ít lâu, rồi cậu bồi lại bỏ mà tình duyên với một kẻ son phấn khác. Cho nên người vợ tây ấy có nhời thư trách này. Nay cứ nguyên-văn đăng lên tạp-chí, để độc-giả biết trong xã-hội ta có những cái tình-trạng như thế và cái nhời văn như thế, kl ông pl.ải nl ư th.ơ văn của các nl.à văn-sĩ vậy.

Tản-Đà

Gửi mấy lời chào anh Ba Linh,
Anh là thằng họ Trịnh Sở khanh :
Công tôi đi lại với anh,
Anh xoay đủ một nghìn vành hại tôi.
Dạ nhân-thế không vôi mà bạc,
Anh chỉ đi kiếm trác miếng ăn.
Đau lòng vả lại tủi thân ;
Anh lừa tôi mấy mươi lần xót-xa.
Vì anh, tây đuổi tôi ra.
Quả-nhiên rằng có thực-thà thế không ?
Những lúc anh một đồng không có,
Thời tôi không thấy chó nào nuôi.
Công tôi đi ngược về suôi,
Ốm đau tôi cũng phải nuôi một mình.
Tôi ăn ở công trình vất-vả,
Nỡ lòng nào sỏ lá với tôi.
Biết bao nước mắt bồ hôi.
Lại còn đến lúc anh xuôi Hải-Phòng.
Anh đi thời hai tay không.
Hẳn rằng không có nửa đồng su thau !
Sự tình càng kể càng đau,
Trong cơn cực khổ ai cầu ai thương.
Đói lòng ăn cơm với tương,
Sao không tìm chốn cao lương mà nhờ?
Dù anh nên trúc nên tơ,
Bất nhân chẳng được mấy cơ-hội mà !
Chóng khôn thời lại chóng già,
Quí tưng con dĩ hơn bà thân sinh.
Sao không biết nhục biết vinh ?
. . . . . .
. . . . . .

Theo voi ăn bã mía thơ. lấy vần "dơ"

Nguyên có một ông sư ở chùa Đống về tỉnh Bắc-Ninh, có mất trộm hai con trâu ; chừng lại bị những kẻ chức-dịch muốn đòi ăn tiền thêm, cho nên ông mới ra bài thơ này, cheo giải thưởng để lấy văn bịnh. Ông có gửi sang cho tôi tất cả được hơn một trăm quyển, nhờ chấm. Tôi nhân hợp-thái trong các quyển, xửa đổi lại mà lấy thành một bài, gửi lại ông. Nay dem bài thơ đăng lên như sau đây, còn như những câu nào của ai, tiếc không biết rõ vậy.

Tản-Đà

Ăn mía theo voi tiếng đến giờ,
Vì chi miếng bã để trò dơ.
Rón chân những chực khi vòi nhả,
Rát lưỡi đành sơi cái ngọt thừa.
Ấy dã theo đuôi thời phải hít,
Còn đâu nên tấm nữa mà vơ !
Nghìn năm bia miệng là câu thế,
Những khách ăn tàn đã biết chưa ?

Đề tặng anh chàng gánh ở bìa sau báo An-Nam.

Tôi có tiếp được một phong thư, trong chỉ có một bài thơ bốn câu mà không có tên ký, vậy không biết rõ là của ai ; nay xin kiuh đăng và có nhời cảm tạ, thư-nhàn xin có thơ họa sau.

Tản-Đà cẩn chí

Thương ai mà nghĩ lại càng yêu !
Gánh nặng, đường xa, bóng sế chiều.
Non nước bâng-khuâng người với bóng,
Nào ai đi trước, có ai theo.

Ngô-Việt xuân thu

(*Tiếp theo*)

HỒI THỨ II

Ba khúc sáo tre lòng chí-sĩ ;
Một con cá nướng mệnh hầu vương.

Tử-Tư đã sang sông, đi đến Lật-dương thì hết lương-thực, phải đi ăn xin. Sẩy gặp một người con gái đương đập sợi ở bến sông, bên cạnh có để giá cơm và một lọ nước. Tử-Tư nằn-nì mà rằng :

— Dám thưa Phu-nhân, Phu nhân có thể tạm cấp cho kẻ cùng-đồ một bữa ăn chăng ?

Người con gái cúi mặt mà rằng :

— Cái đó không thể được, tôi đã ba mươi năm nay, ở nhà nuôi mẹ, quyết chí không lấy chồng. Vì vậy không dám thết cơm hành-khách.

— Kẻ cùng-đồ chẳng may gặp bước cùng-đồ, được một bữa ăn cũng đủ sống. Vậy thì nương-tử làm phúc cứu kẻ cùng-đồ, có can chi mà ngại !

Người con gái ngẩng lên trông, thấy Tử-Tư tướng-mạo khôi-vĩ, biết rằng không phải người hèn, mới thỏ-thẻ mà rằng :

— Tôi trông ông không phải người thường, có nhẽ vì sự hiềm nhỏ, mà nỡ để ông cùng-khốn hay sao !

Nói đoạn, hai tay nâng giá cơm, quì gối đưa cho Tử-Tư. Tử-Tư ăn một miếng rồi thôi. Người con gái thấy vậy, nói :

— Tôi xem ý ông có giáng sắp phải đi xa, sao ông chẳng sơi cho no ?

Tử-Tư lại ngồi ăn thêm, ăn hết giá cơm. Lúc sắp đi, Tử-Tư bảo người con gái rằng :

— Kẻ cùng-đồ nhờ ơn Nương-tử mà được sống sót, ơn ấy sẽ phải ghi lòng tạc dạ. Sau khi kẻ cùng-đồ đã đi, xin nương-tử che kín lọ nước, chớ để lộ-liễu.

Người con gái thở giài mà rằng :

— Thương ơi ! tôi đã ba mươi năm nay, ở nhà nuôi mẹ, một niềm giữ thói trinh-minh. Không ngờ ngày nay bỗng chốc thết cơm một vị trượng-phu, rồi lại lân-la trò-truyện ; lễ nghi đã lỗi, còn đáng làm người nữa ru ! Nhưng thôi, xin ông cứ đi !

Tử-Tư đi vài bước, ngoảnh lại trông, thời thấy người con gái ấy đã ôm hòn đá nhỏn, gieo mình xuống sông tự-tận. Tử-Tư ngậm-ngùi than rằng :

— Bỏ thân giữ trong sạch, thực đáng là bậc nữ-trượng-phu !

Thương tiếc hồi lâu, rồi Tử-Tư sang bến Lật-dương, qua Ngô xu, tới thành Mai-lý. Trong thành, lũy hào thấp hẹp, hàng quán lơ thơ, xe ngựa lèo tèo, thuyền bè thưa ít. Tử-Tư vào tìm khắp thành, chẳng gặp ai là người quen biết, mới giả cách hóa rồ, vấn tóc, bôi mặt, đi chân không, tay cầm một ống sáo tre, vừa thổi vừa hát, đi xin khắp chợ. Hát rằng :

1. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Một thân góc bể lại ven giời !
Nghìn cay muôn đắng xót cho đời !
Thù cha đeo đẳng, còn sống mà chơi !

2. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Đầu xanh tóc bạc một đêm giời !
Nghìn kinh muôn sợ xót cho đời !
Thù anh đeo-đẳng, còn sống mà chơi !

3. — *Ngũ-Viên ơi ! Ngũ-Viên ơi !*
Rừng lau bến Lật lụy bao người !
Nghìn sinh muôn tử tới thành Mai !
Khúc tiêu đầu chợ xót cho đời !
Thù thân đeo-đẳng, còn sống mà chơi !

Tử-Tư hát giong khắp chợ, có viên coi-chợ nghe thấy tiếng sáo ai-oán, giọng hát thảm sầu, chạy ra xem dung-mạo người hát thế nào. Khi thấy Tử-Tư, thất kinh mà rằng :

— Ta xem tướng thiên-hạ đã nhiều lắm, chưa thấy ai được như tướng người này.

Liền mời Tử-Tư vào quán, nhường ngồi ghế trên và hỏi rằng :

— Ông là Ngũ-Tử-Tư, con thứ hai quan Thái-phó nước Sở đó ru ?

Tử-Tư rụt-rè không giả nhời. Viên coi-chợ nói :

— Tôi không phải là kẻ làm hại ông đâu, thấy ông tướng-mạo khác thường, muốn tìm phương phú-quí cho ông đó.

Tử-Tư hỏi :

— Thưa ông, ông là ai ?.

— Tôi là By-Ly, bộ-hạ công-tử Quang.

Nguyên công-tử Quang từ khi Dư-Muội tạ-thế, Liêu tranh ngôi vua, hắn vẫn căm tức, vẫn muốn giết Liêu mà tranh cơ-nghiệp nước Ngô ; chỉ vì quần-thần trong triều đều là bè đảng của Liêu, mà Quang thời tả hữu không ai, không thể sao được ; mới sai By-Ly là kẻ tài nghề xem tướng, giả làm viên coi chợ ở Mai-lý để xem tướng anh tài thiên-hạ, thu làm vây cánh của mình. Vì thế By-Ly vẫn ở Mai-lý. Khi đó Tử-Tư thấy By-Ly sang là bộ-hạ công-tử Quang, mới đem gia-tình tâm-sự của mình, kể cho By-Ly nghe. Chẳng ngờ có kẻ đứng cạnh, nghe trộm được cả sự-tình, lập-tức về báo với vua Liêu. Tức thì vua truyền By-Ly đem ngay Tử-Tư về triều. By-Ly một mặt sai người báo việc gặp Tử-Tư với công-tử Quang, và một mặt giục Tử-Tư tắm gội, thay quần áo ; rồi cùng về triều yết vua. Vua thấy Tử-Tư tướng-mạo hùng-vĩ, đã lấy làm lạ ; cùng Tử-Tư nói truyện ba ngày, vua không bẻ được câu nào, mới khen rằng : « Người này thực là người hiền ! ». Liền phong làm chức Đại-phu. Mỗi khi vào triều, Tử-Tư đem sự oan uổng của cha anh tâu vua, thì lại cắn răng nghiến lợi, đôi mắt đỏ ngầu. Vua thấy Tử-Tư khí-khái, lại càng thương tình, hứa rằng sẽ cất quân đánh Sở báo-thù cho.

Công-tử Quang cũng biết Tử-Tư là bực tri dũng kiêm toàn, vẫn muốn dùng làm vây cánh. Khi thấy vua Liêu hậu đãi Tử-Tư, có ý sợ vua dùng mất, mới vào triều tâu rằng :

— Quang nghe nói có người vong-thần nước Sở là Ngũ-Viên mới chốn sang ta, Đại-vương cho hắn là người thế nào ?

Vua Liêu nói :

— Hắn là một người hiền mà hiếu.

— Sao Đại-vương biết ?

— Quả-nhân thấy hắn hăng-hái khác thường, bàn việc nước câu nào cũng hợp nhẽ, đó là sự hiền. Trong bụng thường nghĩ đến thù cha anh, chưa hề phút chốc quên nhẵng, cắn răng nghiến lợi, xin quả-nhân cho mượn binh đánh Sở, đó là sự hiếu.

— Việc hắn mượn binh, đại-vương đã hứa nhời chưa ?

— Quả-nhân nghĩ cũng thương tình, việc đó đã có hứa nhời với hắn.

Quang can rằng :

— Quang nghe cổ-nhân có nói : « Ông vua thiên-thặng không lên vì kẻ sất phu mà khởi việc binh-đao. » Hiện nay Ngô Sở giao binh, chưa có trận nào ta đại thắng ; nếu đại-vương vì Ngũ-Viên mà cất quân đánh Sở, chắc người trong nước đều cho rằng đại-vương coi cái thù riêng của kẻ sất-phu to hơn sỉ chung của cả nước. Vả lại đánh Sở mà được thì Ngũ-Viên được vẻ-vang ; đánh Sở mà thua thì nước Ngô chịu sấu hổ. Như vậy thời việc báo thù cho hắn rất là không nên.

Vua nghe lấy làm phải, mới thôi việc cất quân đánh Sở. Tử-Tư nghe Quang ngăn trở việc mình, nghĩ thầm rằng : « Quang đương lo việc bên trong, chưa thể bảo hắn những việc bên ngoài : » Liền vào tâu vua, xin từ chức đại-phu.

Quang lại nói với vua rằng :

— Ngũ-Viên vì việc đại-vương không cất quân đánh Sở, mà cố xin từ chức, đó là hắn đã có lòng oán-vọng, đại-vương không nên dùng nữa.

Vua Liêu nghe nói, từ đó cũng sinh nhạt-nhẽo với Tử-Tư, dù ở dù đi, cũng không hỏi đến. Tử-Tư mới đến xứ Dương-sơn cầy ruộng. Quang thấy vậy mừng lắm, thường đến chơi riêng với Tử-Tư, và lại cấp đỡ thóc, gạo, vải, lụa. Tử-Tư vốn biết Quang là tay hùng-kiệt, nay thấy Quang đãi mình cực-hậu, biết Quang có ý dùng mình, muốn tiến một người dũng-sĩ, để giúp Quang, để lấy lòng Quang, để sau này nhờ vào Quang mà báo-thù vua Sở. Một hôm, Quang đến Dương-sơn, Tử-Tư lại giắt Quang đến nhà Chuyên-Chư.

Chuyên-Chư vốn là một kẻ dũng-sĩ, quê ở Ngô-Xu, sinh-bình chuộng nghĩa, thấy sự bất-bình, tất phải hết sức can thiệp. Khi Tử-Tư ở Sở sang Ngô, gặp Chuyên-Chư đương đánh nhau với một người cao nhớn dữ dội; lúc Chuyên-Chư xông đánh người kia, nét mặt hung-hăng, *tưởng như muôn người không cản nổi*; chợt nghe bà mẹ đứng trong cửa gọi, Chuyên-Chư tức-khắc thu tay về. Tử-Tư thấy vậy biết là một người hiệp-sĩ, lại có hiếu-hạnh, thân vào chơi nhà, kể hết lai-lịch của mình với Chuyên Chư, rồi xin kết làm bè bạn. Chuyên-Chư mừng lắm, giết gà thổi sôi, khoản-đãi cực-hậu. Từ đó hai người thân nhau như anh em ruột. Trong khi Tử-Tư về ở Dương-sơn, Chuyên-Chư đã mấy lần đến thăm.

Hôm ấy Tử-Tư và công-tử Quang đi đến Ngô-xu, gặp Chuyên-Chư đương ngồi xoay chần ở giữa đường, băm-hở mài dao, chừng như sắp giết lợn hộ người nào. Chuyên-Chư trông thấy hai người, vội-vàng bỏ dao đứng dậy, đón về nhà. Hai người vào nhà trong chào mẹ Chuyên-Chư, rồi cùng ra ngồi nhà gianh nói truyện. Công-tử Quang thấy Chuyên-Chư chân hói, mắt sâu, bụng hầm, lưng gấu, *biết là một tay dũng-sĩ vô địch*, chắc có thể giúp được việc mình. Lúc lâm-biệt, công-tử Quang bảo Chuyên-Chư rằng:

— Nay vô-tình được gặp tráng-sĩ chính là giời đem tráng-sĩ giúp cho kẻ bị mất cơ nghiệp này.

Nói đoạn, hai người từ-biệt Chuyên-Chư. Tử-Tư về Dương-sơn, công-tử Quang về phủ. Từ đó Công-tử Quang đối với Chuyên-Chư rất hậu tình! Hằng ngày biếu gạo, thịt; hằng tháng cấp vải, lụa; và lại thường thường sai sứ thăm hỏi mẹ già Chuyên-Chư. Chuyên-Chư lấy làm cảm khích, một hôm thân đến phủ Quang tạ ơn, và hỏi rằng:

— Tôi đội ơn giầy của công-tử, chưa biết lấy gì báo-đáp, chẳng hay công-tử có việc gì dùng đến tôi chăng?

Quang đuổi tả hữu lui ra, rồi thuật truyện muốn giết vua Liêu cho Chuyên-Chư nghe. Chuyên-Chư hỏi:

— Đức tiền-vương Dư-Muội tạ thế, kim-vương là con, nối ngôi cũng phải; công-tử lấy cớ gì mà muốn giết đi?

Quang đáp:

— Cái đó tráng-sĩ không rõ, nguyên xưa đức tổ-vương tôi (vua Thộ-Mộng) sinh hạ được bốn ông con: ông con trưởng tức là cha tôi (Chư-Phàn); thứ hai là ông Dư-Sái; thứ ba là ông Dư-Muội; thứ tư là ông Quí-Trát. Vì ông Quí-Trát là người nhân-hiền, đức tổ-vương tôi muốn giao cho ông cơ nghiệp nước Ngô; nên khi lâm-chung, ngài mới dặn các ông con phải chia lượt nối ngôi cho được đến ông Quí-Trát; vì thế ông Dư-Sái và ông Dư-Muội mới được lên ngôi. Nay ông Dư-Muội tạ thế, ông Quí-Trát không chịu nối ngôi, chốn đi nước khác. Cứ theo lẽ phải thì ngôi vua nước Ngô lại đến giòng con trưởng. Đầu giòng con trưởng là ai? tức là tôi vậy. Thế mà ông Liêu vin cớ con được thay cha, tranh mất cơ-nghiệp của tôi, như vậy có đáng tức không? Vì tôi tài hèn sức yếu, không làm gì được; nếu không có người giúp-đỡ, thời không khi nào thỏa sự nguyện-vọng. Bây giờ nếu nhờ sức tráng-sĩ mà tôi được thay ngôi vua, dẫu ông Quí-Trát có ở Đông về, cũng không nỡ bỏ. Tráng-sĩ hết lòng cho.

— Sao công-tử không bảo một người cận-thần thừa-nhàn thuật lại những nhời di-trúc của đức tiền-vương cho kim-vương nghe, và lại tìm cách nhủ-khuyên giảng-giải, để cho kim-vương biết giang sơn nước Ngô là phận của ai, tất phải nhường ngôi cho công-tử. Can chi công-tử lại nuôi riêng thích-khách, mưu hại lẫn nhau, cho tổn công đức của tiền-vương?

— Liêu là người tham-lam cậy khỏe, chỉ biết đường tiến, không biết đường lui, quyết không khi nào chịu nhường ngôi cho tôi. Nếu đem nhời phải chăng mà nói với hắn, chẳng những vô ích, mà hắn lại thêm nghi-kỵ. Bởi vậy tôi phải tìm người dúp lo đỡ sức để cùng quyết sống chết với hắn. Xin tráng-sĩ xét nghĩa ấy cho t

— Cứ như công-tử đã nói, cũng có nhẽ phải, nhưng tôi nhà còn mẹ già, chưa thể đem tính mệnh mà hứa với công-tử được.

— Tôi cũng biết tráng-sĩ nhà còn mẹ già, con nhỏ; nhưng phi tráng-sĩ không ai giúp nổi công việc. Vậy thời tráng-sĩ cứ vui lòng giúp tôi. Còn sự về sau thời thân tôi tức là thân tráng-sĩ, mẹ tráng-sĩ tức là mẹ tôi, con tráng-sĩ tức là con tôi; tôi xin hết sức thờ phụng, nuôi-nấng, quyết không phụ công tráng-sĩ..

Chuyên-Chư ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói:

— Vậy thì công việc thế nào, công-tử dạy cho.

— Bây giờ chưa hạ thủ được, tráng-sĩ hãy cứ thong-thả, khi nào tiện dịp tôi sẽ nói với tráng-sĩ.

— Phàm như muốn giết một vị vương hầu, tất phải ở gần bên cạnh; muốn được ở gần bên cạnh, tất phải biết cái sở-thích của vị vương hầu ấy. Chẳng hay kim-vương vẫn thích cái gì?

— Hắn chỉ thích ăn.

— Thích ăn thứ gì?

— Hắn chỉ thích cá nướng cả con.

— Vậy thì ngày mai tôi xin tạm biệt công-tử ít lâu.

— Tráng-sĩ đi đâu?

— Tôi muốn đi học nghề nướng cá.

— Xin vâng.

Hôm sau, Chuyên-Chư về nhà nói với mẹ xin đi Thái-Hồ học nướng cá. Học ba tháng, nghề nướng cá của Chuyên-Chư đã rất khéo. Chuyên-Chư về kinh nói cho Quang biết. Quang mừng lắm, lưu ở trong phủ, rồi sai người mời Ngũ-Tử-Tư về phủ và hỏi rằng:

— Nay Chuyên tráng-sĩ đã học thành nghề nướng cá, thời làm thế nào mà được gần vua?

Tử-Tư nói:

— Chim hồng khó bắt là vì có cánh; cá kình khó bắt là vì có vây. Nay công-tử Khánh-Kỵ gân sương như sắt, sức khỏe địch muôn người, cứ một hắn sớm tối theo hầu vua Liêu, công-tử cũng khó động-thủ; huống chi lại thêm hai người em mẹ là Cái-Dư và Trúc-Dung cùng giữ binh quyền! Vậy cánh của vua như vậy, thời dẫu có sức săn rồng, bắt hổ; có tài ra quỉ, vào thần, cũng không thể làm cho nổi việc. Công-tử muốn làm việc nhớn, tất phải trừ bỏ ba người ấy. Nếu không thế, thì dẫu công-tử giết được vua rồi, cũng khó thể ngồi yên ngôi cả được vậy.

Quang nghe nói, cúi đầu ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi ngẩng phắt dậy mà rằng:

— Ông nói phải đấy, vậy nay ông hãy cứ về cầy ruộng, khi nào có dịp hay, tôi sẽ mời ông cùng bàn!

Tử-Tư vâng nhời lui về.

* * *

Ngũ-Tử-Tư sau khi từ-biệt công-tử Quang, về cầy ở Dương-sơn; một hôm, chợt nghe tin Sở Bình-vương chết, ôm bụng kêu khóc suốt ngày suốt đêm. Sẩy gặp công-tử Quang đến chơi, ngạc-nhiên hỏi:

Vì cớ gì mà ông sầu thảm như vậy?

Tử-Tư đáp:

— Thấy nói Bình-vương nước Sở đã chết, nên tôi cực lòng.

Quang hỏi:

— Vua Sở có phải là kẻ thù của ông không? kẻ thù đã chết, tưởng ông vui sướng mới phải, sao ông lại khóc?

Tử-Tư gạt lệ nói:

— Có phải là tôi khóc hắn đâu? Tôi khóc là vì chính tay tôi không bêu được đầu hắn, cho hả cái giận của tôi đó thôi.

Quang nghe nói cũng ngậm ngùi than-thở, rồi lại kiếm nhời khuyên giải, hồi lâu cáo-biệt. Quang về khỏi, Tử-Tư lại tựa ghế khóc, khóc luôn ba ngày ba đêm không dứt tiếng. Một hôm đương khóc, thốt-nhiên nghĩ được một mẹo, liền gạt nước mắt đứng dậy, đi đến phủ công-tử Quang bảo Quang rằng:

— Công-tử muốn mưu việc to, há lại không có dịp hay ru ?

– Tôi vẫn ngày đêm lo nghĩ, nhưng mà chưa được cơ hội.

— Nay vua Sở mới mất, trong triều không ai là bề tôi giỏi, sao công-tử không tâu vua nhân khi nước Sở có tang, đem quân sang đánh để mà tranh lấy nghiệp bá ?

— Nếu bảo hắn thế, hắn lại sai tôi đi đánh thì làm thế nào ?

— Công-tử nên giả cách ngã xe đau chân, cáo bệnh không đi, mà cứ Cái-Dư và Trúc-Dung đi thay ; và tâu vua xin cho Khánh-Kỵ đi sứ để kết liên với nước Trịnh, nước Vệ, hẹn cùng đánh Sở. Thế là một mẻ lưới trừ được cả ba người, vua Liêu sẽ chết ngay ở trước mắt vậy.

— Trừ được ba kẻ ấy, nhưng ông Qui-Trát còn sờ sờ đấy, có nhẽ để vậy cho mình làm việc thoán-thí hay sao ?

— Việc đó không ngại, hiện nay Ngô, Tấn đương hòa nhau Công-tử nên tâu vua xin sai ông Qui-tử sang sứ nước Tấn để dò tình hình trung-quốc. Tính vua ngông nghênh, chỉ thích những việc to-tát, mà lại vụng đường mưu mẹo, tất nhiên sai ông Qui-tử đi ; đi khỏi nhà thời công-tử nên khởi sự. Đến khi ông Qui-tử về, việc đã xong rồi chắc cũng không dám thay đổi.

Quang nghe cầu ấy, đứng dậy vái Tử-Tư và nói :

— Tôi được gặp ông là giời cho vậy.

Hôm sau Quang vào triều, đem việc đánh Sở ích lợi nói cho vua Liêu nghe, quả-nhiên vua Liêu gật đầu khen phải.

Quang lại nói :

— Việc này đáng nhẽ tôi phải ra sức làm trận, chẳng may mới ngã xe đau chân, không thể đi được. Vậy xin hãy tạm ở nhà chữa thuốc, khi nào khỏi bệnh, sẽ xin dẫn quân tiếp theo.

— Vậy thì dùng ai làm tướng cho được ?

— Việc này là việc rất to, phi người chí thân không nên sai đi, đại-vương nên tự kén lấy.

— Cái-Dư và Trúc-Dung có thể ủy-thác được chăng ?

– Được lắm, nếu đại-vương dùng hai người ấy làm tướng thời sướng-dáng lắm ! Còn một việc này rất hay, đại-vương cũng nên thi-hành một thể, Số là từ trước đến nay, Tấn, Sở hai nước đắp đổi sưng bá, mà nước Ngô ta chỉ là một nước dàn em. Hiện nay Tấn đã suy-vi, Sở đương thất-bại, chư-hầu ai nấy bơ-vơ, không biết theo thuộc vào nước nào ; đó là cái cơ đại-thế thiên-hạ sắp sửa quay về phương đông ta. Nếu đại-vương nhân dịp này mà sai thái-tử (tức là Khánh-Kỵ) thân sang chiêu-dụ Trịnh, Vệ, hẹn cùng họp quân đánh Sở, và sai Qui-tử sang sứ nước Tấn để dò thám tình thế trung-nguyên ; đại-vương thì ở nhà điều khiển thủy-binh để tiếp ứng. Như vậy thời nước Sở có thể phá được, nghiệp bá có thể nên được vậy.

Vua Liêu mừng lắm, tức thì sai Cái-Dư và Trúc-Dung làm đại-tướng dẫn quân đánh Sở và sai Qui-Trát mang lễ vật sang hỏi thăm nước Tấn. Còn việc chiêu-dụ Trịnh, Vệ, thời vẫn dùng-dằng không quyết.

Cái-Dư và Trúc-Dung lĩnh quân kéo thẳng sang Sở, bị quân Sở đánh thua, chẹn mất đường về, hai tướng sai người về Ngô cáo cấp.

Vua Liêu được tin, liền đòi công-tử Quang hỏi mẹo. Quang tâu :

— Khi trước tôi muốn chiêu binh Trịnh, Vệ, chính để phòng-bị những lúc nguy cấp như bây giờ. Nếu bây giờ đại-vương sai ngay người sang đó mượn quân, kéo thẳng vào Sở ứng ứu hai tướng, cũng có thể kịp.

Vua Liêu nghe nhời, tức thì sai Công-tử Khánh-Kỵ đi sứ hai nước, bàn việc hợp quân đánh Sở.

Khi đó Ngũ-Tử-Tư ở Dương-sơn nghe tin Khánh-Kỵ đi vắng, lập tức về kinh bảo Công-tử Quang rằng :

— Nên dùng Chuyên-Chư chính là lúc này.

Quang nghe nói liền gọi Chuyên-Chư vào mật-thất, đưa cho một thanh kiếm ngư-trường (1) Chuyên-Chư biết ý nói tắt ngay rằng :

— Vua thì giết được ! hai em ở xa, công-tử đi vắng, một mình vua quyết không làm gì được tôi. Nhưng mà trong khi dùng đến tính-mệnh thì tôi không dám tự-chủ. Xin công-tử thư cho, để tôi bẩm qua lão-mẫu, xem rằng ý lão-mẫu tôi thế nào.

Nói đoạn Chuyên-Chư đi thẳng về nhà vào thăm mẹ, chỉ nức-nở khóc, không nói chi cả. Bà mẹ hỏi :

— Chư ! con khóc gì mà thảm-thiết thế ? hay là công-tử muốn dùng con chăng ? Con ơi ! nhà ta nhờ biết bao cơm nặng áo dầy của công-tử, ơn ấy nếu không đền báo sao gọi là người. Thôi ! con có đi đâu cứ đi, không phải nghĩ gì đến mẹ !

Chuyên-Chư nghe nói vẫn lần-thần không chịu đi. Bà mẹ lại tươi cười mà rằng :

— Con ơi, mẹ xót ruột lắm, ta muốn uống chén nước suối, hay là con ra sông mà lấy cho mẹ.

Chuyên-Chư vâng nhời ra sông lấy nước. Khi về không thấy mẹ ở nhà ngoài, hỏi vợ. Vợ nói :

— Mới rồi mẹ kêu mỏi mệt, vào trong phòng đóng cửa nằm ngủ, dặn tôi không được đánh thức.

Chuyên-Chư nghi-hoặc, đạp cửa vào, thấy bà mẹ đã tự-ải ở trên giường. Chuyên-Chư kêu khóc một hồi, rồi khâm liệm nhập quan, rước ra cửa tây an-táng. Táng xong, về nhà bảo vợ rằng :

— Tôi đội ơn nặng của công-tử, mà bấy nay chưa dám liều bỏ tính mệnh để giúp công-tử, là vì còn có mẹ già. Nay mẹ đã mất, tôi phải đem thân lo việc cho công-tử. Nếu mà tôi có mệnh nào, thì mẹ con mình đã có công-tử bù đỡ, không phải bận nghĩ tôi chi !

Nói đoạn, Chuyên-Chư đi đến phủ công-tử Quang, khóc lóc kể việc mẹ chết. Quang cũng động lòng thương xót, yên-ủi một hồi, rồi mới bàn đến việc giết vua Liêu. Chuyên-Chư nói :

— Công-tử nên sửa tiệc rượu mời vua, nếu vua chịu đến, thời công việc mười phần xong tám, chín vậy.

Quang lấy làm phải, liền vào triều tâu vua rằng :

— Nhà tôi có tên nhà bếp ở Thái-hồ mới lại, nướng cá rất khéo, thơm ngon hơn những cá nướng của các người khác. Vậy tôi muốn mời đại-vương ngự qua tệ-xá, xét vị cá nướng của nhà tôi, xem có được bằng vị cá nướng của đại-vương thường dùng hay không ?

Vua nghe nói thích lắm phán rằng :

— Quả-nhân độ này đương buồn, vương-huynh đã có lòng tốt, thời ngày mai quả-nhân sẽ ra phủ vương-huynh ăn tiệc cho vui. Nhưng vương-huynh cũng đừng bầy biện quá phí.

Quang tạ ơn lui về. Đêm hôm ấy Quang phục sẵn giáp-sĩ ở trong nhà hầm và sai Ngũ-Tử-Tư kết ngầm hơn một trăm tử-sĩ ở ngoài, để tiếp ứng. Sáng hôm sau, Quang bầy một tiệc thật trang-hoàng, rồi vào triều đón vua Liêu. Vua Liêu vào cung hỏi mẹ rằng :

— Công-tử Quang mời con ra nhà ăn tiệc, mẹ tưởng hẳn có ý gì không ?

Bà mẹ nói :

— Mẹ xem Quang lâu nay khí sắc sầu uất, chắc vẫn có lòng tức thẹn. Nay hắn mời con ăn tiệc, chưa chắc đã là có lòng tốt, sao con không chối đi ?

— Chối thời sinh ra hiềm-khích, không bằng đi mà phòng-bị nghiêm-nhặt, thời có sợ chi ?

Nói đoạn, vua Liêu ra triều bảo Quang về trước, rồi vua truyền lệnh cho lính hộ-vệ chia đội đứng sắp hàng từ cửa cung cho đến cổng phủ Công-tử Quang ; ngoài phố các đường các ngõ đều có lính đứng canh gác. Sắp sửa đâu đấy, vua Liêu mặc ba lần áo giáp toa-nghê, đem các người thân-thuộc tâm-phúc lên xe tới phủ công-tử Quang.

1 — Là một thanh bảo-kiếm rất nhỏ.

Quang đón vua vào tiệc, rồi chắp tay đứng bên cạnh. Khi đó trong nhà Quang từ cổng, sân, thềm, cửa cho đến hai bên tả hữu vua, đều là những người tâm phúc của vua, cắp gươm, cầm kích canh hầu. Lúc dự tiệc, những người nhà bếp của Quang ở nhà khác đệ đồ ăn sang, đến cổng phải thay đổi quần áo, rồi cởi trần đi quì bưng đồ ăn vào trong sân, hai bên có hai người giáp-sĩ của vua cầm mác chĩa vào hai sườn; vào đến thềm lại có mười người lực-sĩ xúm lại nhắc lên thềm; nhà bếp dã dệ đồ ăn lên tiệc, không được trông lên, cúi mặt đi quì giở ra.

Rượu độ vài tuần, Công-tử Quang đương đứng, giả cách khuỵu chân, rồi thiết tha nhăn nhó mà rằng:

— Cái bệnh đau chân của tôi, bỗng chốc lại phát, buốt quá. Xin đại-vương hãy tha phép cho tôi vào trong nhà trong, lấy bông quấn cho dỡ đau, rồi lại xin ra.

Vua Liêu nói:

— Vương-huynh cứ tự-do.

Quang giả cách tấp-tểnh đi vào nhà trong rồi xuống nhà hầm. Bấy giờ Chuyên-Chư ở nhà bên kia lấy kiếm ngư-trường nhét vào ruột con cá nướng, rồi giả làm nhà bếp bưng sang bên này. Tới cổng, theo lệ thay áo cởi trần, đi quì vào sân, lực-sĩ nhắc lên thềm; khi đến trước tiệc, Chuyên-Chư phanh con cá nướng, rút lấy thanh kiếm. Những giáp-sĩ đi kèm hai bên sườn, nhanh mắt trông thấy, chĩa mác thích thủng bụng Chuyên-Chư. Chuyên-Chư bị thương càng hăng, nhảy sổ vào tiệc, đâm vua Liêu một nhát, suốt ba lần áo giáp, qua ngực sang lưng. Vua Liêu kêu to một tiếng rồi tắt nghỉ. Khi đó bao nhiêu bộ-thuộc của vua Liêu, nhất tề sùm lại, kẻ gươm người mác, vằm Chuyên-Chư nát nhũn như bùn. Công-tử Quang ở nhà hầm nghe thấy bên ngoài huyên-náo, biết là Chuyên-Chư đã làm xong việc, tức khắc đốc giáp-sĩ kéo ồ ra, đánh giết hết sạch thân thuộc lính tráng của vua Liêu. Tử-Tư ở bên ngoài, nghe thấy trong phủ rối loạn, đem ngay bọn tử-sĩ đánh tan mấy đội lính gác ngoài đường. Dẹp yên đâu đấy, Công-tử Quang lên xe, đem các thủ-hạ kéo thẳng vào triều, họp cả quần-thần, kể tội vua Liêu trái ước tranh ngôi, và dụ rằng:

— Cái việc ngày nay, không phải là Quang muốn tranh cơ-nghiệp nước Ngô, là tại vua Liêu bất-nghĩa. Nay Quang hãy quyền coi chính-sự, chờ khi Qui-tử về nước sẽ xin nhường lại.

Nói đoạn, Quang truyền lệnh khâm liệm vua Liêu, theo lễ vua nước hầu sây lăng an-táng, và hậu táng cho Chuyên-Chư. Phong con Chuyên-Chư là Chuyên-Nghị làm khách-khanh; By Ly làm đại-phu; cất Ngũ-Tử-Tư làm chức hành-nhân, đãi vào lễ khách và lại cho dự bàn việc nước. Một mặt sai mở kho lấy tiền và thóc phân-phát cho các cùng-dân; một mặt sai người sang Trịnh và Vệ dò tin Khánh-Kỵ.

Khánh-Kỵ khi ấy sang Trịnh và Vệ mượn quân, hai nước đều không nhận nhời, về đến dữa đường nghe tin công-tử Quang làm loạn, tức thì quay đi. Quang nghe tin lập tức đem đại-quân đuổi bắt, nhưng đuổi không kịp. Quang mới truyền lệnh cho các thành ải miền tây, đều phải canh phòng nghiêm nhặt, rồi dẫn quân về triều.

Cách vài ba ngày, Qui-Trát cũng ở Tấn về, nghe tin vua Liêu bị giết, đi thẳng đến mộ, khấn kể gót đầu việc đi sứ rồi khóc viếng để chở. Có người báo việc ấy với Công-tử Quang, Quang thân hành đến mộ vua Liêu, xin nhường ngôi cho Qui-Trát. Qui-Trát không nhận, Quang về triều lên ngôi vua, đổi hiệu là Hạp-Lư (Qui-Trát giận Hạp-lư, tránh ra ở Diên-lăng, suốt đời không vào đến đất nước Ngô, không nói đến việc nước Ngô, già chết ở Diên-lăng).

Cái-Dư và Trúc-Dung bị nghẽn ở Sở, chờ đợi cứu-binh không thấy, chợt nghe tin Công-tử Quang cướp ngôi, vua Liêu bị giết, hai tướng bàn nhau bỏ quân chạy trốn, Cái-Dư trốn sang nước Từ, Trúc-Dung trốn sang nước Chung-ngô. Về sau hai tướng cùng hàng Sở, vua Sở cho ở thành Thư, luyện tập quân-sĩ để chống nhau với Ngô.

(Còn nữa)

Ngô Tất-Tố

時事之部

THỜI-SỰ

TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP

Đồng tiền phật-lăng giấy tự-nhiên rất giá, nên việc tài-chính nước Pháp gặp nỗi khủng-hoảng. Việc chính-trị hiện-thời là việc chính-trị tài-chính. Chính-phủ phải làm thế nào cho đồng phật-lăng có giá-trị tại thị-trường. Vấn-đề rất khó giải quyết, do chính-phủ với nghị-viện không hợp ý, nên công việc của tòa nội-các trung-ương rất khó giải. Trong ít lâu nay, mấy lần tòa nội-các thành-lập lại bị đổ, chỉ do đồng tiền phật-lăng mất giá. Chính-phủ không tìm phương-kế nào bổ cứu được, hoặc có cách để cứu-hưng đồng phật-lăng thì cách ấy lại không hợp với cách của phần đa số nghị-viên, nên chăng sớm thì chầy, nội-các lại bị thiểu số tín-nhiệm phải từ-chức.

Hôm 15 juin vừa qua, ông Raoul-Péret tổng-trưởng bộ tài-chính trong tòa nội-các Briand, vì nhiều lẽ riêng, ông không giải nghĩa, và cũng vì lẽ đồng phật-lăng mất giá, ông từ chức trước khi nghị-viên bỏ vé tín-nhiệm, vì ông biết trước sức ông không kham nổi. Chương-trình tài-chính của ông, tức là chương-trình tài-chính của chính-phủ, không hợp với ý kiến của phần đa số nghị-viên, ông thoái trước, còn hơn . . . Vì ông Raoul Péret từ chức nên tòa nội-các Briand cũng từ chức. Cứ theo dư-luận các báo-quán nói rằng : đương gặp buổi khó-khăn, thì ông Briand nên lại cáng-đáng việc nước mà lập lại tòa nội-các, nên ông giám-quốc Doumergue lại cử ông Briand lập tòa nội-các lần nữa.

Ông Briand nhận lời, tòa nội-các thành-lập ; ông Caillaux là một nhà tài-chính trứ-danh nhận bộ tài-chính là bộ quan-trọng nhất, tòa nội-các đứng vững được cũng do bộ ấy cả.

Ông Caillaux là người thế nào, cái dĩ-vãng là triệu-chứng hay của cái tương-lai, nên ai ai cũng chắc rằng chuyến này ông hẳn làm được thành công.

Ông xin nghị-viện ủy toàn-quyền cho chính-phủ, thật là quyền rất lớn, khiến cho chính-phủ có thể mộ-thải ở ngoài, dùng số tồn-kim của nhà Pháp-quốc-ngân-hàng, và đặt các phương-pháp trừng-trị.

Chương-trình của ông rất bạo-gian cả-quyết, theo hiến-pháp thì không hợp lẽ, nên có nhiều người phản-đối, và chính ông Herriot là nghị-trưởng Hạ-nghị-viện cũng một lòng tán trợ tòa nội-các mà phải bảo ông Briand rằng : tòa nội-các nên dễ-huề với nghị-viên và xin ông Briand đừng bỏ hẳn nghị-viên đi thế. Ông Briand tiến-thoái lưỡng nan, nhưng lý tất-nhiên phải bênh-vực ông Caillaux, nghĩa là phải bênh vực bản dự-án tài-chính của tòa nội-các.

Chương-trình của ông Caillaux thì hội đồng tài-chính đã xét trước và đã ưng-chuẩn việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các rồi, song số hội-viên ưng thuận ít lắm. Dù thế mặc lòng, ông Caillaux cũng đã chắc là có thế nào cũng được, nên hôm 17 Juillet vừa rồi, bản dự-án đem ra bàn tại hạ-nghị viện, ông Caillaux có phân-trần mọi lẽ, bị nhiều người phản-đối rất kịch-liệt, ông phải khởi xướng vấn-đề tín nhiệm. Lúc bỏ vé rất là náo-động.

Chính-phủ phải 285 vé phản-kháng mà được có 240 vé ưng-thuận, nên phải từ chức.

Sau khi ông Briand đưa giấy của tòa nội-các từ chức, thì ông Tổng-thống Doumergue liền hỏi ý kiến hai ông Nghị trưởng hai viện về viện lập tòa nội-các mới. Ông Herriot nói có lẽ ông sẽ lập tòa nội-các.

Các báo nói nên kíp lập ngay một tòa nội-các liên hiệp quốc-dân và nói xem như việc Thứ-dân-nghị-viện bỏ vé thì tỏ ý ngờ-vực về bản giao-ước Hoa-thịnh-đốn. Nhiều báo nói nên giải tán nghị-viện.

Ông Doumergue vẫn hỏi ý-kiến các nhà chính-trị về việc tòa nội-các. Buổi chiều, ông Herriot được ủy lập tòa nội-các, thì ông đã nhận lời.

Các báo nói rằng ông Herriot đã ra mặt phản-kháng việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các, nay không có thể xin nghị-viện ưng-chuẩn việc ấy là việc đại đa-số cho là việc thiết-yếu để giải-quyết cái vấn đề tài-chính nữa. Ông Louis Marin có nói nếu đặt được một cái chương-trình theo cái chủ-nghĩa hòa-hiếu thì ông sẽ dự vào tòa nội-các Herriot.

Ông lại nói: song ông còn xem cái thái-độ ông Poincaré ra làm sao. Ấy ông Caillaux bị đổ, phần nhiều bởi bài diễn-văn của ông Marin phản đối việc ủy toàn-quyền cho tòa nội-các.

Ông Herriot nhân lập tòa nội-các có ý tựa vào liên-hiệp tả-đảng như trong khi ông lập tòa nội-các thứ nhất. Ông với mấy nhà giúp việc trước và mấy ông về xã-hội cấp-tiến là đảng ông chủ-trương, ông giao cho ông De Monzie bộ tài-chính. Ông có nhờ tả-đảng cấp tiến và tả-đảng cộng-hòa tán thành cho. Ông có mời đảng xã-hội dự vào tòa nội-các theo cái chương-trình đặt cuộc tự ý trợ quyền về tất cả hàng tài sản, nhưng những đại-biểu đảng xã-hội nhất định đòi nhận bộ tài-chính và bộ chiến-tranh, nên việc ấy không thành; đến khi các đảng ôn-hòa không tán-trợ cho ông lập một tòa nội các phồn-hợp, nên ông lập tòa nội-các về tả-đảng.

Hôm 20 Juillet thì tòa nội-các Herriot thành-lập, chính ông làm tổng lý kiêm bộ ngoại-giao, ông De Monzie nhận bộ tài-chính, ông Dariac nhận bộ thuộc-địa, cùng vài ông trước đã giúp việc ông trong tòa nội-các ngõ lập trước nhất, như ông Painlevé, ông Renoult, ông Chautemps, ông André Hesse Ông Herriot có vời ông Albert Sarraut nguyên toàn-quyền Đông-Pháp, đại-sứ tại Thổ-Nhĩ-Kỳ, mới được trúng cử Nguyên-lão-nghị-viên, làm tổng-trưởng bộ tư-pháp, song ông từ chối.

Ông tổng-trưởng bộ tài-chính mới có nói trong lời tuyên-cáo của tòa nội-các sẽ xin về đường tài-chính nghị-viện rộng cho tòa nội-các các quyền tự-do thiết yếu. Ông Herriot thì nói rằng: «Tòa nội-các liên-hiệp cộng hòa mới thành-lập, chỉ có một mục đích là bảo hộ đồng-tiền phật-lăng, chứ không để tâm vào chí phái-đảng. Tòa nội-các sẽ cương quyết và xin quốc dân cứ yên tĩnh thì mới có thể hồi-phục được.»

Dư-luận các báo-quán đối với tòa nội-các mới rất là lãnh-đạm và do-dự, thêm bề lo cho tòa nội-các không được vững bền.

Mà thế thật, vì hôm 21 Juillet, tòa nội-các ra trình-diện tại hạ-nghị-viện ông Herriot khi đọc lời tuyên-cáo song, có xin cuộc đầu phiếu để nghị-viện tỏ ý ngay, muốn theo chương-trình khác hay ưng chương-trình của chính-phủ, thì tòa nội-các bị thiểu số ngay, nên phải từ chức. Thế là tòa nội-các Herriot thứ ba sống được 24 giờ.

Ông Doumergue đã ủy thác ông Poincaré lập tòa nội-các, thì ông đã nhận lời.

Ông Poincaré đã lập tòa nội-các song hôm 23 Juillet, có những ông này trọng nhậm:

Tổng-lý kiêm tài-chính: ông POINCARÉ;

Phó Tổng-lý kiêm binh-vụ và hai tỉnh ALSACE-LORRAINE:

Ông BARTHOU.

Ngoại-giao: ông BRIAND.

Thủy-quân: ông LEYGUES.

Chiến-tranh: ông PAINLEVÉ.

Nội-vụ: ông ALBERT-SARRAUT.

Học-vụ: ông HERRIOT.

Thuộc-địa: ông PERRIER.

Thương-mại: ông BAKANOUWSKI.

Canh-nông: ông QUEUILLE.

Công-tác: ông TARDIEU.

Hưu bổng: LOUIS MARIN.

Lao-động: ông ARMAND FALLIÈRES

các ông thứ tổng-trưởng đều bỏ đi cả.

Tòa nội-các này lợp các tay lãnh tụ, các phái-đảng, là những nhân-vật đại tài như các ông Poincaré, Briand, Herriot, Painlevé, nhưng chủ-nghĩa chính-trị khác nhau, thật là một tòa nội-các liên đảng quốc-gia, bất phân phái đảng, chỉ vụ công-ích là làm thế nào để chấn hưng tài chính, nghĩa là cứu vớt đồng phật-lăng khỏi mất giá.

Không biết rằng các ông Tổng-trưởng có giữ được thái-độ hiện-thời không ? Hay lại phải chia rẽ.

Đồng phật-lăng vì sao mà hạ giá ?

Tiền-tệ là huyết-mạch trong nước, cần có lưu-thông mới có giá-trị. Giá tiền-tệ cao hay hạ rất quan-hệ đến nền kinh tế mà lại rất có ảnh-hưởng đến việc bang-giao. Tiền-tệ vì cũng như các đồ hàng-hóa, hàng-hóa có đắt thì nền kinh-tế mới phát-đạt, việc bang-giao mới vững-vàng ; hàng-hóa mà rẻ-rế không tiêu-thụ được thì nền kinh-tế phải khủng-hoảng mà việc bang-giao tất-nhiên phải bối-rối.

Đồng tiền phật-lăng nước Pháp tự-nhiên hạ-giá, hạ giá một cách rất chóng, một cách bất-kỳ, làm cho ai cũng phải lấy làm ngạc-nhiên ; nhất là các nhà buôn bán. có nhà vì đồng phật-lăng hạ giá mà bị thiệt-thòi, cũng có nhà vì đồng phật-lăng hạ giá mà thừa cơ lũng-đoạn, chiếm được phần ích-lợi riêng thì lại càng phân-vân lắm lắm. Câu hỏi : « Đồng phật-lăng vì sao mà hạ-giá » là một vấn-đề rất quan-hệ, ta nên cố tìm xét mà giải-quyết cho ra.

Nguyên đồng phật-lăng chế ra để tiêu dụng ở nước Pháp theo luật ngày 18 Avril 1795. Có hai thứ phật-lăng : phật-lăng vàng và phật-lăng bạc. Phật-lăng vàng cân nặng 6 gr. 45, trong có 9 phần vàng, một phần đồng ; phật-lăng bạc cân nặng 5 gr., trong có 9 phần bạc, một phần đồng. Một đồng phật-lăng vàng đáng giá 20 đồng phật-lăng bạc.

Vì muốn sự chi-dụng được doanh-dư, nên Chính-phủ lại cho phép nhà ngân-hàng ấn-hành một thứ giấy phật-lăng số cũng tương-đương với số phật-lăng vàng, phật-lăng bạc ký tại trong quĩ. Thí dụ như trong quĩ có một trăm triệu đồng phật-lăng bạc thì được phép ấn-hành cũng một trăm triệu đồng phật-lăng giấy, thành ra số tiền trong nước được gấp đôi, sự lưu-thông đài-tải vừa được thuận-tiện, sự chi dụng trong nước lại được doanh-dư, thật là một cách chính-trị rất khôn-khéo.

Năm 1903, nhà Đại-Pháp-ngân-Làng thành lập, được phép ấn-hành giấy bạc phật-lăng. Lệ định bạc giấy với bạc thực giá-trị ngang nhau, người có đồng bạc giấy có thể bất-kỳ đem đổi lấy đồng bạc thực ở tại ngân-hàng. Giấy bạc tức như là văn-tự của nhà ngân-hàng viết vay của quốc-dân ; quốc dân có tờ giấy bạc, được tùy tiện và tự ý mang đến mà đổi số tiền gốc tức là đồng bạc thực. Vì phòng sự đổi-trác của quốc-dân, nên số giấy ấn-hành không được quá số bạc ký-quĩ.

Sang từ ngày tháng tám năm 1914, sảy ra cuộc chiến-tranh kinh thiên động địa, làm cho sự tiêu-dụng nhiều hơn trước, nên chính-phủ bất-đắc-dĩ phải hạ lệnh thi-hành cái giá cưỡng-bách (cours forcé) coi đồng bạc giấy cũng có cái giá-trị như đồng bạc thực. mà cho phép nhà ngân-hàng được ấn-hành thêm số giấy bạc, không phải tăng thêm số bạc ký-quĩ, thành ra số bạc ký-quĩ vì người ta đổi dần mà mỗi ngày mỗi hiếm đi, số giấy bạc vì mỗi ngày một ấn-hành thêm mà càng ngày càng sinh nhiều ra, số bạc thực và số bạc giấy không được thăng-bằng, làm cho ngân-phiếu phải đình-trệ mà mất giá-trị.

Chính-phủ tin ở nhà ngân-hàng, nhà ngân-hàng lại trông vào sự tín-dụng của quốc-dân Nếu chỉ tiêu-dụng một nước với nhau thì dẫu việc hối-đoái có khó-khăn một đôi chút cũng không sao ; song việc bang-giao cũng cần đến tiền-tệ, cho nên ảnh-hưởng rất nhiều. Nước Pháp từ khi sảy ra cuộc đại-chiến-tranh, việc công-nghệ đình-trệ, các đồ cơ-khí và

các đồ thiết dụng không đủ, nhất-thiết phải mua của nước ngoài. Nước Pháp là nước giàu có, nhưng trước thì kinh-phí về việc chiến-tranh, sau thì lại kinh-phí về việc tu-tạo, tổn hại rất nhiều, tiền-tệ trong nước không đủ ứng-dụng, nên chi các đồ cần-dùng mua của ngoại-quốc chưa có thể thu-xếp mà trả ngay được, phải làm giấy chịu lại một kỳ-hạn ít lâu.

Vì số bạc giấy với số bạc thật không được thăng-bằng với nhau, nên chi đối với việc công-nợ của ngoại-quốc không có thể lấy bạc giấy mà trang-trải được, tất lại phải mua vàng bạc thực mà trả mới xong. Mà cái giá vàng bạc thực thì khi cao khi hạ bất-thường, vì cũng như các hàng-hóa ở những nơi thị-trường vậy. Giá vàng bạc cũng như giá hàng-hóa, hễ vật gì nhiều người cần dùng đến thì giá đắt ngay. Vàng bạc bây giờ nước Pháp cần mua để trả nợ, nên các nơi thị-trường tăng giá ; càng thấy cần mua, càng tăng giá cao ; giá vàng bạc cao bao nhiêu thì giá đồng phật-lăng hạ đi bấy nhiêu, cái đó tùy ở những nhà giao-dịch và những nhà ngân-hàng ở các nơi thị-trường vậy. Ấy đồng phật-lăng hạ giá là một lẽ.

Lại như ở bên nước Anh-Cát-Lợi tiêu-dùng bằng đồng Livre sterling, cũng như nước Pháp tiêu đồng phật-lăng, ở nước Nam ta tiêu bạc đồng vậy. Sự tiêu dụng tiền Anh là sự thông thường ở trong thương-giới của vạn quốc, cho nên đồng tiền Livre sterling rất có giá-trị. Một đồng Livre sterling đáng giá 25 đồng phật-lăng, nếu đem 25 đồng phật-lăng bằng bạc thực thì có thể đổi một đồng tiền Anh, nhưng nếu đem đồng phật-lăng giấy mà đổi thì những nhà buôn tiền Anh họ thắt đến ba bốn mươi đồng, năm sáu mươi đồng phật-lăng mới được một đồng tiền Anh, vì họ sợ rằng số bạc thực kỳ-quỹ ở nhà ngân-hàng Pháp ít hơn số bạc giấy ấn-hành, thì khi đổi lấy giấy bạc thực, ngộ nhà ngân-hàng không đủ mà giả lại chăng. Đồng tiền Anh thông dụng cho vạn quốc, nên chi nước Pháp cũng có thể mua tiền Anh mà trang-chải công nợ. Đồng tiền Anh càng có giá-trị thì đồng phật-lăng lại càng giảm mất giá đi. Ấy đồng phật-lăng giảm giá là hai lẽ.

Lại còn một lẽ nữa là vì việc buôn-bán tiền-tệ. — Xưa nay các nhà buôn bán cần phải tiên-thời dự đoán, xem người ta xu-hướng về những hóa-vật gì, những hóa-vật gì sắp-sửa đổi, những hóa-vật gì tăng giá cao hơn cả, phải đoán biết trước để mà dự bị sẵn, để lâm-thời đem ra phát-mại thì mới chiếm được phần lời to. Thí dụ như Giáp đoán rằng ba tháng nữa thì giá gạo cao, bây giờ buôn tích rõ nhiều gạo để ba tháng nữa bán ; Ất đoán rằng ba tháng nữa thì tơ cao giá, bây giờ đổ hết cả vốn để buôn tơ, đợi ba tháng nữa tơ cao thì bán. Kịp đến ba tháng nữa, vì được mùa, giá gạo vẫn đứng nguyên mà giá tơ thì cao vút lên, thành ra người buôn gạo lỗ vốn mà người buôn tơ có lời. Sự buôn tiền tệ cũng như thế : một người buôn tiền Anh, một người buôn tiền phật-lăng, gặp lúc có người cần mua tiền Anh, thí dụ như Pháp cần mua tiền Anh để giả nợ, mà lại gặp lúc không mấy người cần dùng đến tiền phật-lăng thì đồng tiền Anh phải cao-giá lên mà đồng phật-lăng phải hạ giá xuống, người buôn tiền Anh có lời mà người buôn tiền phật-lăng phải lỗ vốn. Ấy bởi sự giao-dịch ở chốn thị-trường vạn quốc kịch-liệt, mà giá đồng phật-lăng lên xuống không thường.

Nước ta tiêu dùng bằng bạc đồng mà giá bạc đối với giá vàng thì không nhất-định, cho nên giá bạc đồng của nước ta phải tính theo giá bạc rồng ở các mỏ. Các mỏ bạc mà bán bạc thì chỉ tính lấy tiền Anh, cho nên bạc đồng ở nước ta cũng chiếu giá bạc rồng ở nước Anh, tính theo giá tiền Anh ăn với giá tiền phật-lăng mà thay đổi. Vậy thời bạc đồng ở nước ta kể cũng tương-tự bạc Livre sterling ở nước Anh. Ở chốn thị-trường mà bạc nước Anh có giá-trị thì bạc nước ta cũng theo đó mà có giá-trị.

Tiền-tệ của ta với Anh có cái giá-trị liên-lạc với nhau, càng cao bao nhiêu

ta càng lợi bấy nhiêu; nhưng mà nền kinh-tế của ta với Pháp thì phần quan-hệ cũng liên-lạc với nhau, đồng phật-lăng càng hạ-giá thì nền kinh-tế càng quẫn-bách, nền kinh-tế quẫn-bách thì ta chịu ảnh-hưởng rất sấu. Ta chớ vội lấy giá bạc của ta cao, cho là có lợi; chính vì sự giá bạc của ta cao mà lại ngụ cho ta nhiều điều thiệt-thòi về nền kinh-tế và việc bang-giao vậy.

Sơn-Xá.

MỘT BÀ NỮ NGHỊ-TRƯỞNG ẤN-ĐỘ

Bà Sarojini-Naidu là một nhà nữ-thi-sĩ có tiếng ở Ấn-Độ, nay được cử làm Nghị-trưởng trong Quốc-dân-nghị-viện. Một người con gái mà làm nghị-trưởng, chẳng cũng lạ-lùng ru? Nhưng chúng ta xét đến công lao của Bà trong bao nhiêu năm trời đối với việc vận-động độc-lập của Ấn-Độ, thời tuy là phận bồ liễu mà chứa-chan một bầu nhiệt-huyết yêu nước thương dân, khiến cho chúng ta không được không khâm-phục.

Bà không phải như những nhà thi-sĩ tầm-thường; Bà có trước-tác được ba tập thơ ca bằng văn Anh, đều là những văn-chương bất hủ.

Bà sinh năm 1879 ở xứ Hyderaba. Thủa lên 9 tuổi, nhà cho đi học văn Anh, nhưng bà không thích. Vì thế, ông bố giam ở nhà một ngày. Khi tha, bà nói rằng: "Tôi thế nào cũng phải trở nên một nhà ngôn-luận rất giỏi mới được".

Bà từ bé đã có cái khiếu làm thơ, dẫu ông bố bắt học về khoa-học, mà thiên-tài vẫn nẩy nở về lối nhả ngọc phun châu. Năm 11 tuổi, đã làm được bài thơ trường-thiên 300 vần và bản kịch 2000 giòng. Sau vì người yếu, nên phải nghỉ học. Nhưng ở nhà vẫn cứ dùi-mài đèn sách. Bà nói: "Như tôi học-hành, chỉ được trong khoảng năm mười bốn, mười lăm tuổi. Hồi bấy giờ, tôi viết được một cuốn tiểu-thuyết và một quyển nhật-ký. Đó là vì tôi hết sức cố gắng vậy."

Hồi mười bốn, mười lăm tuổi, Bà với bác-sĩ Goviadura-julu Naidu, đôi bên có lòng yêu mến; song vì nhà Bà theo đạo Bà-la-môn, chìm đắm trong vòng giai-cấp, nên hai nhà không tán-thành cho việc hôn-nhân. Năm 1895, ông bố cho sang đui học bên Anh, trừ ra có một lần sang, chơi bên Ý, còn thời ở học luôn 3 năm trong Hoàng-gia-học-viện ở Luân-Đôn. Sau khi về nước, bèn kết hôn với bác-sĩ Naidu: vì thế, ở bên Ấn-Độ mới đem lời dị-nghị. Bà mẹ bèn tuyệt tình không đi lại với con.

Được vài năm sau, bà mẹ thỉnh-thoảng có việc lại chơi, nhưng cũng không có ăn uống gì bao giờ cả. Vì sợ nhân thế mà làm nhàm phép tôn-nghiêm của đạo Bà-la-môn.

Gần nay, bà Naidu hết sức vận-động về việc nước Ấn-Độ. Những kẻ không biết lại tiếc cho bà rằng: dấn thân vào trong luồng chính-trị, tất là có sự hiểm-nghèo. Song chỉ vì Bà thấy quốc-dân phải khốn-khổ trong vòng áp-bách, cầm lòng không đang, nên cái nguồn thi ca bóng-bẩy đẹp-đẽ kia phút chốc biến đổi ra một bầu nhiệt-huyết thương dân yêu nước, như ba đào cuồn cuộn ở trong lòng mà không sao nén được vậy.

Khi Bà ra gánh vác trách-nhiệm một chức hội nghị-trưởng, bà có nói rằng: «Tôi là một người đàn bà, công việc tôi làm rất là ôn-hòa êm-ái. Chẳng qua chỉ muốn khôi-phục lấy cái địa-vị chân chánh cho nước Ấn-Độ.» Coi đó, đàn bà Ấn-độ người ta như thế. Trông người lại ngẫm đến ta....

Việc biến-loạn ở Nam-Dương quần-đảo

Nam-dương quần-đảo là thuộc-địa Hà-Lan, tuy bên ngoài vẫn bình tĩnh, song kỳ-thực thì lòng dân ở Java và ở Sumatra vẫn có ý phản-kháng. Mới đây ở miền tây Sumatra và trong một vài nơi ở Dachen có sẩy ra nhiều cuộc biến-động, là vì có hai người trong đảng

Sarekat Rayat, tức là đảng *nhân-dân cách-mạnh*, một người phải đi đày bỏ xác ở Mainokwri (về Úc-châu) và một người phải giam chết ở trong ngục. Người phải đi đầy đó tên là Misbach, là một người thủ-lĩnh, được nhân-dân sùng-bái nhất. Người chết trong ngục tên là Sugorge, là hội-trưởng hội *liên-hiệp* của các thợ thuyền làm hỏa-xa.

Đảng quốc-dân ở Java và Sumatra sùng bái hai người như thần-minh, nói rằng hai người thực là hai bực hi-sinh cho hạnh-phúc của đồng-bào, mà phải chịu khổ về chính-sách bất lương của chính-phủ thuộc-địa.

Chính-phủ đã tìm hết phương-pháp giới-nghiem để phòng trong hải-đảo. Hiện trong đảng Sarekat Rayat có 50 người bị tống giam.

Hai tờ báo cách-mệnh hăng-hái nhất là tờ báo Api ở Samaray và tờ Njola ở Batavia đã bị chính-phủ bắt phải đình-bản.

Đảng cách-mạnh Cao-Lỵ

Các Lãnh-sự ở Thượng-Hải rất lấy làm chú ý về việc có mấy nhà lĩnh-tụ đảng *vận động tự-lập* của Cao-Ly, ở Quảng-Đông mới đến ; mục-đích của họ là nghĩ cách báo thù cho bọn người Cao-Ly mấy tháng trước bị bắt về việc âm-mưu hại Lãnh-sự Nhật ở Thượng-Hải. Một người trong bọn đó thắt cổ chết ở trong ngục. Người ta ngờ rằng có nhẽ người Cao-Ly muốn phá tòa Lãnh-sự Nhật lần thứ hai nữa. — Hiện chính-phủ Nhật đã phái rất nhiều quân lính để canh phòng tòa Lãnh-sự, và để hộ-vệ viên Lãnh-sự cùng các liêu thuộc nhỡ khi có sảy ra tai biến bất kỳ.

Thực-Nghiệp dân báo

TIỀU-TỨC MỘT TÒA BÁO MỚI Ở TRUNG-KỲ

Xứ Trung-kỳ xưa chưa có báo, nay mới nghe có một toà báo sắp xuất-hiện. Cứ nhời báo Đông-Pháp ra ngày 15 Juillet, lược rằng :

« Ở tại kinh-đô Huế, sẽ mở một tờ báo, xuất bản hằng ngày. Báo này do cụ **Phan-bội-Châu** làm chủ-nhiệm và sáng lập.

« Cụ Phan muốn đem cái chính-sách *Pháp-Việt đề huề* mà truyền bá cho cùng cả quốc-dân Trung, Nam, Bắc đều hay.

« Những nhà tán-trợ toàn là những người tư-bản ở Trung-kỳ, và những tay trong tòa soạn đều là những người có nhiệt-thành với quốc-dân, cùng theo một chủ-nghĩa, một chánh-sách Pháp-Việt đề-huề vậy.

« Tờ báo này chưa biết đặt tên là gì, nhưng nghe đâu cũng sẽ gọi là « *Việt-Nam báo.* »

Lại nghe thiên-hạ nói rằng: "Việc báo ở Trung-kỳ, chỉ là cụ Phan đứng lên làm chủ-nhiệm để lấy giá-trị với quốc-dân ; còn như các công việc thực-hành thời do ở những người khác, mà về phần tòa soạn thời ông *Nguyễn-bá-Trác* sẽ làm chủ".

Lại nghe cũng có người nói rằng : "Việc báo ở Trung-kỳ chưa biết khi nào đã xuất-hiện ; nhưng cụ **Phan** thời không có can dự chi cả, mà ông *Nguyễn-bá-Trác* hoặc có coi việc trong toà soạn, có nhẽ ông cũng không ra tên ".

Hiện nay báo Trung-kỳ chưa xuất hiện, quốc-dân ta chưa được biết rõ ra làm sao. Nghĩ như cụ Phan thời tưởng Cụ cũng không còn có cái hứng-thú về sự làm báo bây giờ. Như ông *Nguyễn-bá-Trác*, khi trước đã dự một phần sáng-lập báo Nam-phong và chủ-bút về phần Hán-tự của báo ấy; nay có nhẽ ông lại ra mở báo Trung-kỳ chăng !

MỘT CÂU CHUYỆN Ở NAM-KỲ

Ở Nam-kỳ, ông **Bùi-quang-Chiêu** có tổ-chức lập Việt-Nam hội-quán. Hôm

hội-đồng mới đây tại nhà hội Khuyến-học, hội-trưởng các hội đều đến dự cả. Trong đám ấy, có ông hội-trưởng hội *Lon-ton*; vì thế mà ông Tiến-sĩ *Lê quang-Trinh*, trong báo "*Le progrès annamite*", có bài-bác việc đó, nói rằng : « ông hội-trưởng hội *Lon-ton* không đủ tư-cách dự hội-đồng", có ý khinh-bỉ bọn lao-động. Vì thế các phái lao-động đều tỏ lòng phản-đối ông Lê-quang-Trinh. Cứ Đông-Pháp thời-báo số 456, ngày 7 Juillet 1926. thời một người sốp-phơ là Mr B. V. có viết một bài phản-đối, nay trích một đoạn như sau này :

"Ông Lê-quang-Trinh có biết hiện thời đây, ai phải là người Việt-Nam, ai không phải là người Việt-Nam không? Tôi hỏi rồi tôi lại xin trả lời. Kể từ khi vua Lạc-Long một trứng trăm trai, cha truyền con nối cho tới ngày nay, dẫu có chia ra đẳng-cấp, kẻ sang người hèn, kẻ làm việc bằng trí khôn, người làm việc bằng sức mạnh ; song nhìn lên ban thờ tiên-tổ, ngó lại anh em đồng-bào, thấy đều một bọc sanh ra, đều là anh em trong một nhà cả, những cái phân biệt bề ngoài chẳng qua như cái áo mặc đó mà thôi. Ai đã là con trong một nhà thời cũng có bổn-phận đối với nhà; ai đã là dân trong một nước thời cũng có bổn-phận đối với nước. Duy có kẻ nào đeo cái lốt An-nam, cũng rắn cắn gà nhà, rước voi dầy mồ mả, thì những kẻ ấy không phải là con cháu của Tiên-tổ, không phải là anh em của quốc-dân, tưởng đồng-bào ta nên đuổi xô ra mà không cho bước vào nhà hội-quán An-nam thì phải; chớ còn như mấy người plantons, mấy người sốp-phơ, mấy người xe-kéo, nghề-nghiệp dẫu không được sang-trọng như ai, song vẫn không hổ mình là người An-nam, vậy thì cái nhà hội An-nam là cái nhà chung của mình, mình được đến hội, mình được dự nghe, thua chi ai mà sợ cóc chi ai."

Ngoài một đoạn trích đây, lại có những câu như là "bỏ thăm nhượng thương-khẩu", "ăn cướp của dân bị lụt", không biết những câu ấy có phải là ý định chỉ vào ông Lê-quang-Trinh hay không? Bản-chí không cần xét kỹ. Nay chỉ lấy một đoạn trích trên kia là có hợp với tôn-chỉ của Bản-chí, như trong bài xã-thuyết mới rồi ở quyển số 1, Bản-chí cũng đã nói :

"Nay về sau, không dám biết ai là người trong thượng-lưu xã-hội; không cứ sĩ, thương, quân, dân, nam, phụ, lão, thiếu, phàm hơi có học-vấn tri-thức, đều nên nhận một phần chức-trách với quốc-dân. »

Vậy tưởng không nên lấy sự phân biệt đẳng-cấp làm trọng, mà nên lấy sự hòa-bình làm hơn. Mong rằng việc này các ông trong Nam-kỳ sẽ thu-xếp được ổn-thỏa. Sau này có tin-tức gì nữa, Bản-chí sẽ xin lục-tục đăng để anh em ngoài Bắc ta đều biết.

Công-tỵ xe lửa Vân--Nam đối với hành khách về việc Hội--chợ.

Công-ty xe lửa Vân-Nam vừa mới xin quan Toàn quyền lại thi-hành mấy khoản trong nghị-định số 2281 ngày 22 Juin 1923 về việc vận-tải hàng-hóa về đấu-sảo tại Hội-chợ Hanoi hay là ở Hội-chợ đem đi.

Mấy khoản ấy như sau này :

« Những hàng-hóa đem về đấu sảo tại « Hội-chợ Hanoi hay là ở Hội-chợ đem đi « thời công-ty xe lửa sẽ chỉ lấy nửa tiền « cước mà thôi.

« Muốn được hưởng lợi-quyền ấy, tất « phải có cái giấy chứng-chỉ của hội - đồng « quản-trị Hội-chợ Hanoi nhận thực cho « rằng những hàng-hóa ấy là đem về Hội-« chợ Hanoi hay ở Hội-chợ đem đi. Giấy « ấy, lúc đi lúc về, phải đưa cho nhà ga xem.

Những con vật to nhớn lạ-thường như voi ; những đồ dùng, đồ vật và sản-vật to lớn quá hay là cân nặng hơn 3000 cân ; vàng thoi, bạc nén, vàng mạ, bạc mạ bạch kim, đồ nữ-trang, đồ thêu, đăng-ten, bảo-thạch và những đồ mỹ-thuật, như bằng đồng đen, đồ trạm, tượng và các biển, thời không được hưởng lợi-quyền ấy.

NỮ-CÔNG HỌC HỘI

Lâu nay, phụ-nữ nước ta, những người sinh-trưởng trong những nhà phú qui, khuê các đài trang, thời phần nhiều chỉ ăn trắng mặc chơn, lên xe xuống ngựa, mà không mấy ai lưu ý đến nữ-công thực-nghiệp. Dẫu có ai chăng nữa, thời cũng chỉ lẻ-tẻ đó đây, mà chưa hề thấy kết thành hội-đảng.

Nay Bản-chí nhân ông Bùi-huy-Tín ở Kinh-thành về nói chuyện, mới được biết tin rằng ở Kinh-thành, bà Đạm-Phương nữ-sử mới cùng các bà, các cô trong Huế, tổ-chức thành một hội, gọi là « Nữ-công học-hội », để giậy những cô từ mười tuổi giở lên, học mọi việc như thêu, thùa, may, vá ; làm bánh, nấu ăn ; vân vân.. ngoài những việc đó, còn giậy về cách nuôi con, vệ sinh ; lại có giảng về văn-chương giáo-dục. Mục-đích hội rất hay và rất có ích cho việc gia-chính của các bạn quần-thoa. Bản-chí xin có mấy lời chân-trọng chúc cho hội được tràng-thọ, ngày càng khuếch-trương phát-đạt thêm lên. Sau này mong rằng các nhà sáng-lập sẽ thực-hành cái mục-đích của hội, kỳ cho được hoàn-mỹ, thì thật là hạnh-phúc cho nữ-giới ta nhiều lắm.

Bản-chí lại mong rằng ngoài Bắc ta một ngày kia cũng sẽ có một hội như thế, lẽ nào thua chị kém em.

Sách mới xuất bản

Bản-chí mới tiếp được ba quyển sách gửi cho, xin giới-thiệu với đồng-nhân như sau này :

Ba quyển sách ấy đều do Tân-dân-thư-quán xuất bản.

Hai quyển tuồng nói về sự tích nước nhà, đều là của ông phó-bảng Hoàng-tăng-Bí soạn; một quyển tên là "**Thù chồng nợ nước**", nói về sự tích bà Trưng-nữ-Vương, dầy 24 trang, giá 0$12. Một quyển nữa là "**Nghĩa nặng tình sâu**" nói về sự tích An-Dương-Vương, dầy 22 trang, giá 0$12.

Một quyển chuyện Trinh-thám của ông Huấn-đạo Phạm-Quang-Sán dịch, tên là "**Vỏ quít dầy móng tay nhọn**" dầy 36 trang, giá 0$15.

NỮ CÔNG HỌC HỘI Ở HUẾ



Cliché Thực-Nghiệp

NGUYÊN-NGOC-UYÊN

Constructions et Réparations mécaniques

FABRICATION DE LA PEINTURE ET DE L'HUILE

BUREAU ET ATELIERS

71, Rue Jean Dupuis — Hanoi, — Téléphone N° 605

NHÀ MÁY MỚI MỞ

Kính trình các ngài biết cho tôi mới mở nhà máy ở phố Mới, số nhà 71 Hà-nội, có chế-tạo các thứ máy như là : Máy-in, Giao sén-giấy, máy Dẫn-thủy-nhập-điền, máy luyện-đất, máy đóng các thứ gạch mộc, máy ép gạch si-mo, làm các kiểu khuôn-gạch và khuôn-ngói, các thứ máy xưởng tôi chế tạo ra đây đều có thể dùng nhân-lực làm, rất giản tiện đỡ nhân-công và giá lại rẻ, để tiện dụng cho người Đồng-bang.

Làm cả tủ-sat, giường Hồng-kông, và chế-tạo các thứ sơn tây và nấu giầu, đều dùng máy làm công việc thực nhanh.

Tôi có đủ các tay thợ làm máy chuyên-môn, chữa xe ô-tô và các thứ máy chạy ét-săng.

Tôi có đúc gang và đúc đồng với đúc aluminium; nhận đúc các kiểu to nhỏ.

Xin mời các ngài chiếu cố cho, tôi xin tính giá phải chăng.

CHỦ NHÂN **Nguyên-Ngoc-Uyên.**

Kính cáo.

Quần áo tây ! ! !

May cực khéo
Giá lại rất rẻ
Rất nhiều hàng đẹp
Đủ các vải may quần áo tây và quần áo Annam
Cai cắt chuyên-môn
Xin cam đoan làm được như ý

Mời các ngài lại ngay nhà đỏ

LÊ-THUẬN-KHOÁT

42, Hàng Đào, Hanoi

và chi-điếm : 17, Phố Khách, Haiphòng

KÍNH GIẶN

Ngài nào ở xa giả tiền báo năm bằng **mandat**, xin cứ giữ lấy **talon**, cho Bản-chí khỏi phải giữ **reçue thực**.

An-nam Tạp-chí

LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO

Bản-chí mỗi kỳ in ra từ 1500 quyển đến 3000 quyển, giá đăng quảng-cáo bằng giấy mùi, tính như sau rày:

Một tờ (hai trang mỗi kỳ.	**14$00**
Một trang	**8,00**
Nửa trang.	**4,50**
Góc trang . , ...	**3,00**

Ngài nào đăng cả năm, cứ theo giá trên này, tính thù 30 o/o ; nửa năm, 20 o/o ba tháng, 10 o/o.

AN-NAM TẠP-CHÍ

LỆ NHẬN BÁN LẺ

Các hiệu sách ở các tỉnh, hiệu nào nhận bán lẻ cho Bản-chí, xin tính tiền hoa-hồng 10%. Cứ mỗi cuối tháng tây, gửi giả mandat và những quyển tạp-chí còn lại. Bản-quán lại gửi theo những số về tháng sau.

Các cước-phí khứ hồi, về Bản-quán nhận chịu.

An-nam Tạp-chí

